BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Đối với dịch vụ sưu tầm, bảo tồn, truyền dạy các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối

đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để tính mức hao phí các yếu tố về lao động, vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng để hoàn thành một đơn vị sản phẩm hoặc một khối lượng công việc nhất định trong một điều kiện cụ thể của dịch vụ sự nghiệp công.

3. Chức danh lao động trong Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định như sau:

a) Chức danh, hạng chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm của nhân sự trong thành phần hao phí nhân công được xác định theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức; các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh, Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp chức danh lao động thực tế không có trong các quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị căn cứ tính chất, yêu cầu chuyên môn, nội dung công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định chức danh lao động tương đương phù hợp với công việc thực hiện.

c) Trường hợp chức danh, hạng hoặc bậc lao động thực tế khác với quy định tại các bảng định mức ban hành kèm theo Thông tư này, đơn vị cung cấp dịch vụ được đề xuất sử dụng chức danh, hạng hoặc bậc lao động tương đương hoặc phù hợp với nhân sự thực tế để lập dự toán, phương án giá, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Việc áp dụng phải bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng dịch vụ và tổng chi phí nhân công của nội dung công việc tương ứng không vượt quá tổng chi phí nhân công xác định theo định mức ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Chi phí nhân công được xác định trên cơ sở mức hao phí lao động theo định mức và chế độ tiền lương, tiền công, thù lao áp dụng đối với từng đối tượng lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với lao động thực hiện công việc theo hợp đồng, chi phí được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm không tính trùng với chi phí đã được xác định trong dự toán hoặc giá hợp đồng cung cấp dịch vụ.

4. Trường hợp yêu cầu đặc biệt về quy mô, tính chất hoặc điều kiện tổ chức thực hiện đặc thù dẫn đến phát sinh nội dung hao phí chưa được quy định

hoặc mức hao phí vượt định mức, đơn vị cung cấp dịch vụ phải thuyết minh rõ căn cứ chuyên môn, kỹ thuật và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện.

5. Xác định các khoản chi phí khác khi lập dự toán, phương án giá

Ngoài các khoản chi phí xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, các khoản chi phí cần thiết khác phục vụ tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị được xác định khi lập dự toán, phương án giá cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Chi phí bản quyền trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 287/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chi phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn: Áp dụng đối với các đối tượng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan. Các khoản chi này được xác định riêng theo chế độ áp dụng, không làm thay đổi trị số định mức hao phí lao động quy định tại các bảng định mức;

c) Chi phí công tác phí: Xác định theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí và điều kiện thực tế thực hiện nhiệm vụ;

d) Chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ, nhạc cụ sử dụng phục vụ luyện tập và biểu diễn: Xác định căn cứ khối lượng, đặc điểm tài sản, quãng đường và điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan;

đ) Chi phí thuê, mời chuyên gia, diễn viên, nghệ sĩ, kỹ thuật viên và nhân sự khác ngoài cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ: Xác định theo hợp đồng thuê, mời nhân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng phải xác định rõ nội dung công việc, phạm vi, địa điểm tham gia, sản phẩm hoặc kết quả phải hoàn thành, thời gian thực hiện, mức thù lao và các khoản chi phí liên quan;

e) Các chi phí: thuê địa điểm, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu, màn hình Led, công nghệ trình diễn, hệ thống dàn không gian, trang phục, đạo cụ, cảnh trí và các hạng mục khác phục vụ luyện tập, biểu diễn và tổ chức chương trình: Xác định theo yêu cầu của kịch bản, chương trình biểu diễn và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan;

g) Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác (nếu có): Là các khoản chi phí phát sinh theo yêu cầu tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn, chưa được tính

trong định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc giá hợp đồng cung cấp dịch vụ, được xác định và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ có trách nhiệm cung cấp tài liệu xác nhận kết quả nội dung công việc theo yêu cầu quản lý, làm căn cứ nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng;

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ 10% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

d) Hao phí về công cụ, dụng cụ, nhạc cụ sử dụng phục vụ luyện tập và biểu diễn: Là các loại công cụ, dụng cụ, nhạc cụ được sử dụng trong quá trình luyện tập, biểu diễn nghệ thuật. Trường hợp công cụ, dụng cụ, nhạc cụ sử dụng phục vụ luyện tập và biểu diễn đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì hao phí sử dụng được xác định theo nguyên tắc áp dụng đối với máy móc, thiết bị.

2. Kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, gồm:

- Hao phí nhân công: Chức danh và bậc nghề nghiệp, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí lao động;

- Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng;

- Hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số hao phí nhân công, hao phí máy móc, thiết bị sử dụng, hao phí vật liệu;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn của định mức trong các trường hợp điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc nhất định.

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

1. Phụ lục 1: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ Tổ chức chương trình nghệ thuật phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn; ngày sinh của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo tiền bối tiêu biểu; năm mất của các danh nhân đã được Đảng, Nhà nước công nhận; phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại ở trong nước và quốc tế.

2. Phụ lục 2: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ Tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp.

3. Phụ lục 3: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ Tổ chức dàn dựng, biểu diễn các tác phẩm thuộc thể loại nhạc vũ kịch và giao hưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị.

4. Phụ lục 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ Phục dựng, dàn dựng và tổ chức biểu diễn các loại hình nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nghiên cứu, căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

3. Khuyến khích các tổ chức ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ

sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

4. Việc triển khai phải bảo đảm đúng mục tiêu, cụ thể, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2027.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Nghệ thuật biểu diễn) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, Cục NTBD, KT.300.

BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh

Phụ lục 1

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT PHỤC VỤ KỶ NIỆM NHỮNG NGÀY LỄ LỚN; NGÀY SINH CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI TIÊU BIỂU; NĂM MẤT CỦA CÁC DANH NHÂN ĐÃ ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN; PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, ĐỐI NGOẠI Ở TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

1. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT BIỂU DIỄN TRONG NHÀ (HỘI TRƯỜNG, NHÀ HÁT, RẠP HÁT)

1.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Công tác chuẩn bị thực hiện chương trình nghệ thuật**		
1	Khảo sát, tiền trạm tại địa điểm tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2	Xây dựng dự thảo, soạn thảo hồ sơ tổ chức chương trình nghệ thuật (đề án, kế hoạch...) và các văn bản liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	
5	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
6	Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	
7	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
II	**Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật**		
1	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
4	Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
5	Tổng đạo diễn (Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
6	Đạo diễn; Trợ lý đạo diễn (giúp việc cho Tổng đạo diễn ở từng loại hình nghệ thuật)		
7	Đạo diễn âm nhạc		
8	Nhạc sĩ sáng tác (sáng tác mới phần âm nhạc cho Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
9	Nhạc sỹ phối khí; Nhạc sĩ biên tập (phối khí, biên tập cho phần âm nhạc của các loại hình nghệ thuật)		
10	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
11	Họa sĩ tạo hình con rối		
12	Họa sĩ thiết kế bộ máy con rối		
13	Truyền dạy điều khiển con rối		
14	Họa sĩ thiết kế phục trang		
15	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
16	Biên đạo		
17	Trợ lý biên đạo múa		
18	Người thiết kế âm thanh		
19	Người thiết kế ánh sáng		
20	Tổ chức truyền thông trên báo phát thanh		
20.1	Tin/Bài thời sự		
20.2	Phóng sự		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
21	Tổ chức truyền thông trên báo truyền hình		
21.1	Tin/Bài thời sự		
21.2	Phóng sự		
22	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu; Chỉ huy dàn nhạc chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP hoặc Nghị định 261/2026/NĐ-CP
23	Trợ lý chỉ huy dàn nhạc cho tác phẩm sân khấu, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm múa, xiếc và chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
III	**Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình**		
1	Chỉ huy dàn nhạc (các hình thức dàn nhạc và hợp xướng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2	Diễn viên chính, thứ chính (áp dụng cho tất cả các loại hình nghệ thuật)		
3	Diễn viên (các loại hình sân khấu)		
4	Diễn viên nhạc		
5	Diễn viên hát; Hợp xướng		
6	Diễn viên múa		
7	Nhân viên hóa trang		
8	Nhân viên phục trang		
9	Nhân viên đạo cụ		
10	Nhân viên hậu đài		
11	Kỹ thuật viên sân khấu (ghi âm, ghi hình lưu trữ)		
12	Phóng viên họp báo (công tác truyền thông)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
13	Phiên dịch (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC
14	Dẫn đoàn (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
15	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
IV	**Công tác thi công – dàn dựng sân khấu và các công việc có liên quan đến các nhân sự không thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài**		
1	Nhân sự thực hiện không thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập; nhân sự thực hiện là người nước ngoài (nghệ sĩ, diễn viên; người dẫn chương trình, thiết kế hình ảnh trình chiếu công nghệ, Led…)		Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
2	Nhân sự thực hiện không thuộc lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn (diễn viên quần chúng, lực lượng quần chúng...)		
3	Sân khấu		
4	Dàn không gian		
5	Âm thanh, ánh sáng, màn hình Led		
6	Công nghệ trình diễn hiện đại (3D mapping, drone show, kinetic, laser, tracking, show control...)		
7	Địa điểm tập luyện, hợp luyện		
8	Địa điểm Sơ duyệt		
9	Địa điểm Tổng duyệt		
10	Địa điểm biểu diễn		
11	Truyền hình trực tiếp		
12	Phòng thu âm		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
13	Băng rôn, pano, áp phích...		
14	Trang phục		
15	Đạo cụ		
16	Sản xuất hình ảnh minh họa		
17	Vật liệu ghi âm, ghi hình lưu trữ		
18	Bục phát biểu, bàn, khăn trải bàn đại biểu, ghế, bọc ghế ngồi đại biểu, hoa tươi trang trí, thảm trải sàn (khu vực sân khấu, khánh tiết) và các trang trí khác (nếu có).		
19	Tiệc chiêu đãi		
20	Cúp, quà tặng, quà lưu niệm,...		
21	Du lịch, tham quan... (áp dụng cho sự kiện có yếu tố quốc tế)		

1.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 Chương trình nghệ thuật tổng hợp tối đa 120 phút (gồm nhiều loại hình nghệ thuật)

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Công tác chuẩn bị thực hiện chương trình nghệ thuật			
1.1	Khảo sát, tiền trạm tại địa điểm tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.2	Xây dựng dự thảo, soạn thảo hồ sơ tổ chức chương trình nghệ thuật (đề án, kế hoạch...) và các văn bản liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.3	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	21

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	thẩm quyền phê duyệt			
1.4	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	Công	900
1.5	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	1.200
1.6	Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	Công	1.500
1.7	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
	Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật			
1.9	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	63
1.10	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.11	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	4
1.12	Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình			
1.13	Dẫn đoàn (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	200
1.14	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	6
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% tổng công lao động trực tiếp)		Công	15%
B	**Máy móc, thiết bị**			
1	Máy tính để bàn		Ca	25
2	Máy tính xách tay		Ca	30
3	Máy in lazer A4		Ca	0.2
4	Máy ảnh chuyên dụng		Ca	10
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Dập ghim		Cái	1
2	Ghim		Hộp	2
3	Bút nhớ dòng		Chiếc	2
4	Bút ký		Chiếc	2
5	Mực in lazer A4 đen		Hộp	2
6	Giấy in A4		Tờ	3000
7	Túi (file) đựng tài liệu		Cái	50
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ		Cái	2

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
9	Bút bi	Chiếc	20
10	Pin AA, AAA cho thiết bị	Viên	60
11	Nước uống	Bình	30
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)	%	10%

2. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT BIỂU DIỄN NGOÀI TRỜI

2.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Chuẩn bị chương trình biểu diễn**		
1	Khảo sát, tiền trạm tại địa điểm tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2	Xây dựng dự thảo, soạn thảo hồ sơ tổ chức chương trình nghệ thuật (đề án, kế hoạch...) và các văn bản liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	
5	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
6	Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	
7	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
II	**Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật**		
1	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
4	Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
5	Tổng đạo diễn (Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
6	Đạo diễn; Trợ lý đạo diễn (giúp việc cho Tổng đạo diễn ở từng loại hình nghệ thuật)		
7	Đạo diễn âm nhạc		
8	Nhạc sĩ sáng tác (sáng tác mới phần âm nhạc cho Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
9	Nhạc sỹ phối khí; Nhạc sĩ biên tập (phối khí, biên tập cho phần âm nhạc của các loại hình nghệ thuật)		
10	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
11	Họa sĩ tạo hình con rối		
12	Họa sĩ thiết kế bộ máy con rối		
13	Truyền dạy điều khiển con rối		
14	Họa sĩ thiết kế phục trang		
15	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
16	Biên đạo		
17	Trợ lý biên đạo múa		
18	Người thiết kế âm thanh		
19	Người thiết kế ánh sáng		
20	Tổ chức truyền thông trên báo phát thanh		
20.1	Tin/Bài thời sự		
20.2	Phóng sự		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
21	Tổ chức truyền thông trên báo truyền hình		
21.1	Tin/Bài thời sự		
21.2	Phóng sự		
22	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu; Chỉ huy dàn nhạc chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP hoặc Nghị định 261/2026/NĐ-CP
23	Trợ lý chỉ huy dàn nhạc cho tác phẩm sân khấu, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm múa, xiếc và chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
III	**Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình**		
1	Chỉ huy dàn nhạc (Các hình thức dàn nhạc và hợp xướng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2	Diễn viên chính, thứ chính (áp dụng cho tất cả các loại hình nghệ thuật)		
3	Diễn viên (các loại hình sân khấu)		
4	Diễn viên nhạc		
5	Diễn viên hát; Hợp xướng		
6	Diễn viên múa		
7	Nhân viên hóa trang		
8	Nhân viên phục trang		
9	Nhân viên đạo cụ		
10	Nhân viên hậu đài		
11	Kỹ thuật viên sân khấu (ghi âm, ghi hình lưu trữ)		
12	Phóng viên họp báo (công tác truyền thông)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
13	Phiên dịch (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC
14	Dẫn đoàn (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
15	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
IV	**Công tác thi công – dàn dựng sân khấu và các công việc có liên quan đến các nhân sự không thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài**		
1	Nhân sự thực hiện không thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập; nhân sự thực hiện là người nước ngoài (nghệ sĩ, diễn viên; người dẫn chương trình, thiết kế hình ảnh trình chiếu công nghệ, Led...)		Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
2	Nhân sự thực hiện không thuộc lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn (diễn viên quần chúng, lực lượng quần chúng...)		
3	Sân khấu		
3.1	Phục vụ Chương trình nghệ thuật đặc biệt, quy mô lớn		
4	Dàn không gian		
4.1	Phục vụ Chương trình nghệ thuật đặc biệt, quy mô lớn		
5	Âm thanh, ánh sáng, màn hình Led		
6	Công nghệ trình diễn hiện đại (3D mapping, drone show, kinetic, laser, tracking, show control...)		
7	Địa điểm tập luyện, hợp luyện		
8	Địa điểm Sơ duyệt		
9	Địa điểm Tổng duyệt		
10	Địa điểm biểu diễn		
11	Truyền hình trực tiếp		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
12	Phòng thu âm		
13	Băng rôn, pano, áp phích...		
14	Trang phục		
15	Đạo cụ		
16	Sản xuất hình ảnh minh họa		
17	Vật liệu ghi âm, ghi hình lưu trữ		
18	Bục phát biểu, bàn, khăn trải bàn đại biểu, ghế, bọc ghế ngồi đại biểu, hoa tươi trang trí, Thảm trải sàn (khu vực sân khấu, khánh tiết) và các trang trí khác (nếu có).		
19	Tiệc chiêu đãi		
20	Cúp, quà tặng, quà lưu niệm, hoa tươi trang trí...		
21	Du lịch, tham quan... (áp dụng cho sự kiện có yếu tố quốc tế)		

2.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 Chương trình nghệ thuật tổng hợp tối đa 120 phút (gồm nhiều loại hình nghệ thuật)

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Công tác chuẩn bị thực hiện chương trình nghệ thuật			
1.1	Khảo sát, tiền trạm tại địa điểm tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
1.2	Xây dựng dự thảo, soạn thảo hồ sơ tổ chức chương trình nghệ thuật (đề án, kế hoạch...) và các văn bản liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
1.3	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	35

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.4	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	Công	900
1.5	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	1.500
1.6	Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	Công	3.000
1.7	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
	Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật			
1.9	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	110
1.10	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.11	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	6
	Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình			
1.12	Dẫn đoàn (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	200
1.13	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	10
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% tổng công lao động trực tiếp)		Công	15%
B	**Máy móc, thiết bị**			
1	Máy tính để bàn		Ca	36
2	Máy tính xách tay		Ca	50
3	Máy in lazer A4		Ca	0,2
4	Máy ảnh chuyên dụng		Ca	10
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Dập ghim		Cái	1
2	Ghim		Hộp	2
3	Bút nhớ dòng		Chiếc	2
4	Bút ký		Chiếc	2
5	Mực in lazer A4 đen		Hộp	2
6	Giấy in A4		Tờ	3000
7	Túi (file) đựng tài liệu		Cái	50
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ		Cái	2
9	Bút bi		Chiếc	20
10	Pin AA, AAA cho thiết bị		Viên	60
11	Nước uống		Bình	30
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)		%	10%

Ghi chú: Định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên chưa bao gồm các khoản hao phí, chi phí sau: chi phí bản quyền trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 287/2026/NĐ-CP của Chính phủ); chi phí phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ) và các khoản công tác phí, chi phí thuê, mua ngoài có liên quan khác. Các khoản chi phí này được tính theo quy định nêu tại điểm 4, mục II, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.

Phụ lục 2

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN CHUYÊN NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

1. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CUỘC THI CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN CHUYÊN NGHIỆP.

1.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Công tác chuẩn bị**		
1.	Xây dựng đề án, kế hoạch, thể lệ cuộc thi; trình phê duyệt kế hoạch;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
2.	Khảo sát địa điểm tổ chức, dự thảo công văn gửi địa phương đề nghị đăng cai; lựa chọn địa điểm tổ chức tại địa phương đăng cai theo quy mô, tính chất từng cuộc thi, liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3.	Soạn thảo và ban hành các Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Nghệ thuật (Hội đồng Giám khảo), Tổ Thư ký và Tiểu ban Giúp việc (Thành phần tham gia chấm và xét giải thưởng tại tại cuộc thi nghệ thuật được gọi là "Hội đồng Giám khảo");	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
4.	Xây dựng nội dung phối hợp tổ chức cuộc thi; thống nhất kế hoạch, phân công nhiệm vụ giữa đơn vị chủ trì tổ chức, địa phương đăng cai và các đơn vị có liên quan; thông báo kế hoạch tổ chức cuộc thi	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5.	Soạn thảo và ban hành Quy chế tổ chức, Quy chế chấm thi, khen thưởng	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
6.	Xây dựng kịch bản chương trình khai mạc, tọa đàm, chương trình chi tiết các hoạt động;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
7.	Xây dựng Dự toán kinh phí tổ chức	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
8.	Thông báo và tổng hợp thông tin gửi đơn vị đăng cai và các tổ chức, cá nhân để đăng ký tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
9.	Gửi giấy mời chính thức đến các đơn vị, cá nhân tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
10.	Xây dựng lịch tập luyện, lịch thi, lịch biểu diễn; soạn thảo và gửi giấy mời họp Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Giám khảo	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
11.	Tiếp nhận hồ sơ dự thi, sàng lọc hồ sơ, lập danh sách thí sinh/đơn vị tham dự	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
12.	Tổ chức họp báo và thực hiện công tác truyền thông trước, trong và sau quá trình tổ chức: - Xây dựng thông cáo báo chí; tổ chức họp báo công bố thời gian, địa điểm, quy mô của cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; - Liên hệ đặt bài đăng báo, đài truyền hình đưa tin tuyên truyền, quảng bá trong thời gian diễn ra cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; - Thực hiện treo băng rôn, cờ phướn tuyên truyền trên các tuyến phố, trang trí trước và trong địa điểm tổ chức; - Thực hiện quay phim, ghi hình, truyền hình trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Lễ Khai mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
13.	Phóng viên họp báo (công tác truyền thông)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
14.	Tổ chức truyền thông trên báo, phát thanh, truyền hình:		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
15.	Tin/Bài thời sự		
16.	Phóng sự		
17.	Tổ chức thiết kế, thi công lắp đặt sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng tại địa điểm tổ chức (Hệ thống âm thanh, ánh sáng bao gồm hệ thống loa, thiết bị điều khiển âm thanh, thiết bị microphone, thiết bị phát nhạc, hệ thống đèn chiếu sáng, hiệu ứng tạo khói, thiết bị kết nối... Số lượng, công suất, chủng loại, thiết bị: căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
18.	Tổ chức In phôi bằng chứng nhận giải	Bậc 4,3,2 hoặc	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	thưởng cuộc thi; trình phôi bằng chứng nhận lên cấp có thẩm quyền ký duyệt	tương đương	
19.	Công tác chuẩn bị đối với các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế: - Gửi thông báo và giấy mời đến các quốc gia theo Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; - Tiếp nhận, tổng hợp thông tin các đơn vị nghệ thuật quốc tế tham gia cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; - Dự thảo, gửi công văn đến đại sứ quán các nước có đơn vị nghệ thuật tham gia cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; liên hệ và trao đổi thông tin với các đơn vị nghệ thuật quốc tế về thời gian, lịch trình tham gia cuộc thi, liên hoan nghệ thuật tại Việt Nam; - Thuê người biên dịch tài liệu, dịch nói và người dẫn đoàn cho thành viên Hội đồng Nghệ thuật và các đơn vị nghệ thuật quốc tế theo Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
20.	Phiên dịch (Chương trình có yếu tố nước ngoài)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC
II	**Công tác tổ chức cuộc thi**		
1.	Tổ chức tổng duyệt chương trình khai mạc;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
2.	Tổ chức khai mạc cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
3.	Thực hiện tổ chức cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; Điều hành chương trình các vòng thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
4.	Tổ chức cho các đơn vị nghệ thuật tham dự cuộc thi đi biểu diễn phục vụ nhân dân (nếu có)	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
5.	Tổ chức buổi tọa đàm về nghệ thuật trong thời gian diễn ra cuộc thi (nếu có): - Địa điểm tổ chức: Âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, trang trí, nước uống... (Hệ thống âm thanh, ánh sáng bao gồm hệ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	thống loa, thiết bị điều khiển âm thanh, thiết bị microphone, hệ thống đèn chiếu sáng, thiết bị kết nối... Số lượng, công suất, chủng loại, thiết bị: căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định); - Chọn người chủ trì, điều hành; mời chuyên gia hướng dẫn nghệ thuật; gửi giấy mời các đại biểu tham dự tọa đàm;		
6.	Tổ chức họp Hội đồng Giám khảo, chấm thi và đưa ra kết quả tại cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
7.	Vận hành âm thanh, ánh sáng, sân khấu, ghi hình các buổi diễn thi (tính theo từng buổi diễn)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
8.	Thư ký cuộc thi tổng hợp kết quả từ các cuộc họp Hội đồng Giám khảo, lập biên bản cuộc họp	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
9.	Biên kịch		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
10.	Tổng đạo diễn (Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
11.	Đạo diễn; Đạo diễn âm nhạc; Trợ lý đạo diễn (giúp việc cho Tổng đạo diễn ở từng loại hình nghệ thuật)		
12.	Nhạc sĩ sáng tác (sáng tác mới phần âm nhạc cho Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
13.	Nhạc sỹ phối khí; Nhạc sĩ biên tập (phối khí, biên tập cho phần âm nhạc của các loại hình nghệ thuật)		
14.	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu, Họa sĩ thiết kế phục trang, Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
15.	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu; Chỉ huy dàn nhạc chương trình nghệ thuật tổng hợp		
16.	Trợ lý chỉ huy dàn nhạc cho tác phẩm sân khấu, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm múa, xiếc và chương trình nghệ thuật tổng hợp		
17.	Chỉ huy dàn nhạc (các hình thức dàn nhạc và hợp xướng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
18.	Diễn viên chính, thứ chính (áp dụng cho tất cả các loại hình nghệ thuật)		
19.	Diễn viên (các loại hình sân khấu); Diễn		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	viên nhạc; Diễn viên hát; Hợp xướng; Diễn viên múa		
20.	Nhân viên hóa trang; nhân viên phục trang; nhân viên đạo cụ; nhân viên hậu đài		
21.	Kỹ thuật viên sân khấu		
III	**Công tác tổng kết, trao giải, kết thúc**		
1.	Xây dựng kịch bản và tổ chức tổng duyệt chương trình bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2.	Tổ Thư ký căn cứ kết quả chấm điểm của Hội đồng Giám khảo, dự thảo Quyết định trao giải thưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; in bằng chứng nhận tương ứng với số giải thưởng được trao tại cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
3.	Tổ chức bế mạc, trao giải cuộc thi, liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
4.	Tháo dỡ kỹ thuật, thu hồi trang thiết bị	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5.	Họp tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
6.	Thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
IV	**Công tác hậu cần**		
1.	Bố trí phương tiện đi lại, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tổ Thư ký, Hội đồng Giám khảo và các Tiểu ban Giúp việc trong quá trình diễn ra cuộc thi, liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2.	Chuẩn bị công tác lễ tân, người dẫn chương trình, trang phục, đạo cụ tại Lễ Khai mạc và Bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3.	Tổ chức thiết kế bộ nhận diện, logo biểu tượng; thiết kế, biên tập, duyệt maket và in ấn giấy mời, băng rôn, pano, áp phích, phù hiệu, thẻ tên, chuẩn bị cúp, cờ lưu niệm, giấy khen, giấy chứng nhận, kỷ yếu...	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
4.	Giám sát tháo dỡ, dọn dẹp sau khi kết thúc cuộc thi	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5.	Giám sát về an ninh, y tế, phòng cháy chữa cháy	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
6.	Công tác hậu cần đối với các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế: - Bố trí phương tiện đưa đón từ sân bay, đi lại nội địa, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Hội đồng Giám khảo và các đơn vị nghệ thuật quốc tế trong thời gian tham gia cuộc thi, liên hoan nghệ thuật tại Việt Nam (đối với thành phần Hội đồng Giám khảo là người nước ngoài); - Văn phòng phẩm, hoa trang trí, hoa tặng, nước uống, photo tài liệu, các cước phí liên quan...; - Bố trí phương tiện đi lại chặng quốc tế cho thành viên Hội đồng Nghệ thuật và các đơn vị nghệ thuật quốc tế theo Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; - Tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng phẩm và đi tham quan cho các đơn vị nghệ thuật quốc tế theo số lượng thực tế của từng cuộc thi.	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

1.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: Tổ chức 01 cuộc thi nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quy mô cấp Bộ hoặc toàn quốc.

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Công tác chuẩn bị			
1.1	Xây dựng đề án, kế hoạch, thể lệ cuộc thi; phê duyệt kế hoạch, đề án	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.2	Khảo sát địa điểm tổ chức, dự thảo công văn gửi địa phương đề nghị đăng cai; lựa chọn địa điểm tổ chức tại địa phương đăng cai theo quy mô, tính chất từng cuộc thi, liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	35
1.3	Đề xuất, soạn thảo và ban hành các Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Nghệ thuật (Hội đồng Giám khảo), Tổ Thư ký và Tiểu ban Giúp việc	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.4	Xây dựng nội dung phối hợp tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc	Công	25

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	cuộc thi; thống nhất kế hoạch, phân công nhiệm vụ giữa đơn vị chủ trì tổ chức, địa phương đăng cai và các đơn vị có liên quan; thông báo kế hoạch tổ chức cuộc thi	tương đương		
1.5	Đề xuất, soạn thảo và ban hành Quy chế tổ chức, Quy chế chấm thi, khen thưởng	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.6	Xây dựng kịch bản chương trình khai mạc, tọa đàm, chương trình chi tiết các hoạt động;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.7	Xây dựng Dự toán kinh phí tổ chức	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	3
1.8	Thông báo và tổng hợp thông tin gửi đơn vị đăng cai và các tổ chức, cá nhân để đăng ký tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.9	Gửi giấy mời chính thức đến các đơn vị, cá nhân tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.10	Xây dựng lịch tập luyện, lịch thi, lịch biểu diễn; soạn thảo và gửi giấy mời họp Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Giám khảo	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
1.11	Tiếp nhận hồ sơ dự thi, sàng lọc hồ sơ, lập danh sách thí sinh/đơn vị tham dự	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	50
1.12	Tổ chức họp báo và thực hiện công tác truyền thông trước, trong và sau quá trình tổ chức:	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	35
1.13	Giám sát, chỉ đạo thiết kế, thi công lắp đặt sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng tại địa điểm tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.14	In phôi bằng chứng nhận giải thưởng cuộc thi; trình phôi bằng chứng nhận lên cấp có thẩm quyền ký duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	3
1.15	Công tác chuẩn bị đối với các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
	Công tác tổ chức cuộc thi			
1.16	Tổ chức tổng duyệt chương trình khai mạc;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.17	Tổ chức khai mạc cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25
1.18	Thực hiện tổ chức cuộc thi, liên hoan nghệ thuật; Điều hành chương trình các vòng thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	128

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.19	Tổ chức cho các đơn vị nghệ thuật tham dự cuộc thi đi biểu diễn phục vụ nhân dân (nếu có)	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	20
1.20	Tổ chức buổi tọa đàm về nghệ thuật trong thời gian diễn ra cuộc thi (nếu có):	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.21	Tổ chức họp Hội đồng Giám khảo, chấm thi và đưa ra kết quả tại cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	35
1.22	Vận hành âm thanh, ánh sáng, sân khấu, ghi hình các buổi diễn thi (tính theo từng buổi diễn)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.23	Thư ký cuộc thi tổng hợp kết quả từ các cuộc họp Hội đồng Giám khảo, lập biên bản cuộc họp	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25
	Công tác tổng kết, trao giải, kết thúc			
1.24	Xây dựng kịch bản và tổ chức tổng duyệt chương trình bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.25	Tổ Thư ký căn cứ kết quả chấm điểm của Hội đồng Giám khảo, dự thảo Quyết định trao giải thưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; in bằng chứng nhận tương ứng với số giải thưởng được trao tại cuộc thi	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25
1.26	Tổ chức bế mạc, trao giải cuộc thi, liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	45
1.27	Tháo dỡ kỹ thuật, thu hồi trang thiết bị	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.28	Họp tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.29	Thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
	Công tác hậu cần			
1.30	Bố trí phương tiện đi lại, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tổ Thư ký, Hội đồng Giám khảo và các Tiểu ban Giúp việc trong quá trình diễn ra cuộc thi, liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.31	Chuẩn bị công tác lễ tân, người dẫn chương trình, trang phục, đạo cụ tại Lễ Khai mạc và Bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
1.32	Thiết kế bộ nhận diện, logo biểu	Bậc 4,3,2 hoặc	Công	30

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	tượng; thiết kế, biên tập, duyệt maket và in ấn giấy mời, băng rôn, pano, áp phích, phù hiệu, thẻ tên, chuẩn bị cúp, cờ lưu niệm, giấy khen, giấy chứng nhận, kỷ yếu...	tương đương		
1.33	Giám sát tháo dỡ, dọn dẹp sau khi kết thúc cuộc thi	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	3
1.34	Giám sát về an ninh, y tế, phòng cháy chữa cháy	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	5
1.35	Đối với các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế:	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
2	**Lao động gián tiếp (tương đương 15% hao phí lao động trực tiếp)**	Bậc 5,4,3,2,1 hoặc tương đương	Công	15%
B	**Máy móc, thiết bị**			
1	Máy tính để bàn		Ca	50
2	Máy tính xách tay		Ca	100
3	Máy in lazer A4		Ca	0,33
4	Máy ảnh chuyên dụng		Ca	10
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Dập ghim		Cái	1
2	Ghim		Hộp	2
3	Bút nhớ dòng		Chiếc	2
4	Bút ký		Chiếc	2
5	Mực in lazer A4 đen		Hộp	1,6
6	Giấy in A4		Tờ	4000
7	Túi (file) đựng tài liệu		Cái	50
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ		Cái	2
9	Bút bi		Chiếc	20
10	Pin AA, AAA cho thiết bị		Viên	60
11	Nước uống		Bình	30
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)		%	10%

2. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC LIÊN HOAN CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN CHUYÊN NGHIỆP

2.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Công tác chuẩn bị**		
1.	Xây dựng đề án, kế hoạch, thể lệ liên hoan, dự toán kinh phí, trình phê duyệt kế hoạch.	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
2.	Khảo sát địa điểm tổ chức, dự thảo công văn gửi địa phương đề nghị đăng cai; lựa chọn địa điểm tổ chức tại địa phương đăng cai theo quy mô, tính chất từng liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3.	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	
4.	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
5.	Tổ Thư ký và Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	
6.	Xây dựng nội dung phối hợp tổ chức liên hoan; thống nhất kế hoạch, phân công nhiệm vụ giữa đơn vị chủ trì tổ chức, địa phương đăng cai và các đơn vị có liên quan; thông báo kế hoạch tổ chức liên hoan	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
7.	Soạn thảo và ban hành Quy chế tổ chức, Quy chế giải thưởng hoặc khen thưởng, khuyến khích, tôn vinh nét đặc sắc (nếu có); các thể loại, hạng mục biểu diễn tại liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
8.	Thông báo và tổng hợp thông tin gửi đơn vị đăng cai và các tổ chức, cá nhân để đăng ký tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
9.	Gửi giấy mời chính thức đến các đơn vị, cá nhân tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
10.	Xây dựng kịch bản chương trình, Xây dựng lịch tập luyện, lịch biểu diễn; soạn thảo và gửi giấy mời họp Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
11.	Tiếp nhận hồ sơ tham dự liên hoan, sàng lọc hồ sơ, lập danh sách cá nhân, đơn vị tham dự; trình phê duyệt danh sách và thông báo tới cá nhân, đơn vị được lựa chọn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
12.	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	thẩm quyền phê duyệt		
13.	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
14.	Tổ chức họp báo và thực hiện công tác truyền thông trước, trong và sau quá trình tổ chức: - Xây dựng thông cáo báo chí; tổ chức họp báo công bố thời gian, địa điểm, quy mô của liên hoan nghệ thuật; - Liên hệ đặt bài đăng báo, đài truyền hình đưa tin tuyên truyền, quảng bá trong thời gian diễn ra liên hoan nghệ thuật; - Thực hiện treo băng rôn, cờ phướn tuyên truyền trên các tuyến phố, trang trí trước và trong địa điểm tổ chức; - Thực hiện quay phim, ghi hình, truyền hình trực tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng tại Lễ Khai mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
15.	Tổ chức thiết kế, thi công lắp đặt sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng tại địa điểm tổ chức theo kế hoạch được duyệt và gói thầu đã ký kết.	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
16.	In phôi bằng chứng nhận giải thưởng liên hoan; trình phôi bằng chứng nhận lên cấp có thẩm quyền ký duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
17.	Công tác chuẩn bị đối với các liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế: - Gửi thông báo và giấy mời đến các quốc gia theo Kế hoạch tổ chức liên hoan nghệ thuật; - Tiếp nhận, tổng hợp thông tin các đơn vị nghệ thuật quốc tế tham gia liên hoan nghệ thuật; - Dự thảo, gửi công văn đến đại sứ quán các nước có đơn vị nghệ thuật tham gia liên hoan nghệ thuật; liên hệ và trao đổi thông tin với các đơn vị nghệ thuật quốc tế về thời gian, lịch trình tham gia liên hoan nghệ thuật tại Việt Nam; - Thuê người biên dịch tài liệu, dịch nói và người dẫn đoàn cho thành viên Hội đồng Nghệ thuật và các đơn vị nghệ thuật quốc tế	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	theo Đề án tổ chức liên hoan nghệ thuật;		
18.	Phiên dịch (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC
II	**Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật**		
1.	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2.	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3.	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4.	Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
5.	Tổng đạo diễn (Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
6.	Đạo diễn; Trợ lý đạo diễn (giúp việc cho Tổng đạo diễn ở từng loại hình nghệ thuật)		
7.	Đạo diễn âm nhạc		
8.	Nhạc sĩ sáng tác (sáng tác mới phần âm nhạc cho Chương trình nghệ thuật tổng hợp gồm nhiều loại hình nghệ thuật)		
9.	Nhạc sỹ phối khí; Nhạc sĩ biên tập (phối khí, biên tập cho phần âm nhạc của các loại hình nghệ thuật)		
10.	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
11.	Họa sĩ tạo hình con rối		
12.	Họa sĩ thiết kế bộ máy con rối		
13.	Truyền dạy điều khiển con rối		
14.	Họa sĩ thiết kế phục trang		
15.	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
16.	Biên đạo		
17.	Trợ lý biên đạo múa		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
18.	Người thiết kế âm thanh		
19.	Người thiết kế ánh sáng		
20.	Tổ chức truyền thông trên báo, phát thanh, truyền hình		
	Tin/Bài thời sự		
	Phóng sự		
21.	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu; Chỉ huy dàn nhạc chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP hoặc Nghị định 261/2026/NĐ-CP
22.	Trợ lý chỉ huy dàn nhạc cho tác phẩm sân khấu, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm múa, xiếc và chương trình nghệ thuật tổng hợp		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
III	**Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình**		
1.	Chỉ huy dàn nhạc (các hình thức dàn nhạc và hợp xướng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2.	Diễn viên chính, thứ chính (áp dụng cho tất cả các loại hình nghệ thuật)		
3.	Diễn viên (các loại hình sân khấu)		
4.	Diễn viên nhạc		
5.	Diễn viên hát; Hợp xướng		
6.	Diễn viên múa		
7.	Nhân viên hóa trang		
8.	Nhân viên phục trang		
9.	Nhân viên đạo cụ		
10.	Nhân viên hậu đài		
11.	Kỹ thuật viên sân khấu (ghi âm, ghi hình lưu trữ)		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
12.	Phóng viên họp báo (công tác truyền thông)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC
13.	Phiên dịch (Chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)		Chức danh tham gia thực hiện theo Thông tư số 35/2026/TT-BTC
14.	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
IV	**Công tác tổ chức liên hoan**		
1.	Tổ chức tổng duyệt chương trình khai mạc;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
2.	Tổ chức khai mạc liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
3.	Thực hiện tổ chức liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
4.	Tổ chức cho các đơn vị nghệ thuật tham dự liên hoan đi biểu diễn phục vụ nhân dân (nếu có)	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
5.	Tổ chức buổi tọa đàm về nghệ thuật trong thời gian diễn ra liên hoan (nếu có): - Địa điểm tổ chức: Âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, trang trí, nước uống... (Hệ thống âm thanh, ánh sáng bao gồm hệ thống loa, thiết bị điều khiển âm thanh, thiết bị microphone, hệ thống đèn chiếu sáng, thiết bị kết nối... Số lượng, công suất, chủng loại, thiết bị: căn cứ vào tính chất, quy mô của từng sự kiện đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định); - Chọn người chủ trì, điều hành; mời chuyên gia hướng dẫn nghệ thuật; gửi giấy mời các đại biểu tham dự tọa đàm;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
6.	Tổ chức họp Hội đồng Nghệ thuật, đánh giá và đưa ra kết quả tại liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
7.	Vận hành âm thanh, ánh sáng, sân khấu, ghi hình các buổi diễn thi (tính theo từng buổi diễn)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
8.	Thư ký liên hoan tổng hợp kết quả từ các cuộc họp Hội đồng Nghệ thuật, lập biên bản cuộc họp	Bậc 4,3 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
V	**Công tác tổng kết, trao giải, kết thúc**		
1.	Xây dựng kịch bản và tổ chức tổng duyệt chương trình bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2.	Tổ Thư ký căn cứ kết quả chấm điểm của Hội đồng Nghệ thuật, dự thảo Quyết định trao giải thưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; in bằng chứng nhận tương ứng với số giải thưởng được trao tại liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
3.	Tổ chức bế mạc, trao giải liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3 hoặc tương đương	
4.	Tháo dỡ kỹ thuật, thu hồi trang thiết bị	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5.	Họp tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
6.	Thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
VI	**Công tác hậu cần**		
1.	Bố trí phương tiện đi lại, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tổ Thư ký, Hội đồng Nghệ thuật và các Tiểu ban Giúp việc trong quá trình diễn ra liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
2.	Chuẩn bị công tác lễ tân, người dẫn chương trình, trang phục, đạo cụ tại Lễ Khai mạc và Bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3.	Thiết kế bộ nhận diện, logo biểu tượng; thiết kế, biên tập, duyệt maket và in ấn giấy mời, băng rôn, pano, áp phích, phù hiệu, thẻ tên, chuẩn bị cúp, cờ lưu niệm, giấy khen, giấy chứng nhận, kỷ yếu...	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
4.	Giám sát tháo dỡ, dọn dẹp sau khi kết thúc liên hoan	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5.	Giám sát an ninh, y tế, phòng cháy chữa cháy	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
6.	Đối với các liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế: - Bố trí phương tiện đưa đón từ sân bay, đi lại nội địa, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Hội đồng Nghệ thuật và các đơn vị nghệ thuật quốc tế trong thời gian tham gia liên hoan nghệ thuật tại Việt Nam (đối với thành phần	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	Hội đồng Nghệ thuật là người nước ngoài); - Văn phòng phẩm, hoa trang trí, hoa tặng, nước uống, photo tài liệu, các cước phí liên quan...; - Bố trí phương tiện đi lại chặng quốc tế cho thành viên Hội đồng Nghệ thuật và các đơn vị nghệ thuật quốc tế theo Đề án tổ chức liên hoan nghệ thuật; - Tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng phẩm và đi tham quan cho các đơn vị nghệ thuật quốc tế theo số lượng thực tế của từng liên hoan.		

2.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: Tổ chức 01 liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quy mô cấp Bộ hoặc toàn quốc.

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Công tác chuẩn bị			
1.1	Xây dựng đề án, kế hoạch, thể lệ liên hoan, dự toán kinh phí, trình phê duyệt kế hoạch.	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.2	Khảo sát địa điểm tổ chức, dự thảo công văn gửi địa phương đề nghị đăng cai; lựa chọn địa điểm tổ chức tại địa phương đăng cai theo quy mô, tính chất từng liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.3	Ban Chỉ đạo	Bậc 5,4 hoặc tương đương	Công	630
1.4	Ban Tổ chức	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	840
1.5	Tổ Thư ký và Các Tiểu ban (Nội dung, Tài chính - Hậu cần, Truyền thông, An ninh, Y tế...)	Bậc 4,3,2,1 hoặc tương đương	Công	1050
1.6	Xây dựng nội dung phối hợp tổ chức liên hoan; thống nhất kế hoạch, phân công nhiệm vụ giữa đơn vị chủ trì tổ chức, địa phương đăng cai và các đơn vị có liên quan; thông báo kế hoạch tổ chức liên hoan	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.7	Soạn thảo và ban hành Quy chế tổ chức, Quy chế giải thưởng hoặc khen thưởng, khuyến khích, tôn vinh nét đặc sắc (nếu có); các thể loại, hạng mục biểu diễn tại liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.8	Thông báo và tổng hợp thông tin gửi đơn vị đăng cai và các tổ chức, cá nhân để đăng ký tham gia	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	5
1.9	Xây dựng kịch bản chương trình, Xây dựng lịch tập luyện, lịch biểu diễn; soạn thảo và gửi giấy mời họp Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.10	Gửi giấy mời chính thức đến các đơn vị, cá nhân tham gia; Tiếp nhận hồ sơ tham dự liên hoan, sàng lọc hồ sơ, lập danh sách cá nhân, đơn vị tham dự; trình phê duyệt danh sách và thông báo tới cá nhân, đơn vị được lựa chọn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.11	Thẩm định đề án, kế hoạch, kịch bản (chương trình nghệ thuật, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng...) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	25
1.12	Viết bài phát biểu của lãnh đạo	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.13	Tổ chức họp báo và thực hiện công tác truyền thông trước, trong và sau quá trình tổ chức:	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	5
1.14	Tổ chức, giám sát thiết kế, thi công lắp đặt sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng tại địa điểm tổ chức theo kế hoạch được duyệt và gói thầu đã ký kết.	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.15	In phôi bằng chứng nhận giải thưởng liên hoan; trình phôi bằng chứng nhận lên cấp có thẩm quyền ký duyệt	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	3
1.16	Công tác chuẩn bị đối với các liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế:	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
	Công tác xây dựng, sáng tạo chương trình nghệ thuật			

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.17	Hội đồng Nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương		63
1.18	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương		15
1.19	Viết lời bình cho Chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương		4
	Công tác tập luyện, biểu diễn chương trình			
1.20	Dẫn đoàn (nếu chương trình nghệ thuật có yếu tố nước ngoài)	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	200
1.21	Đọc lời bình cho Chương trình	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	6
	Công tác tổ chức liên hoan			
1.22	Tổ chức tổng duyệt chương trình khai mạc;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.23	Tổ chức khai mạc liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25
1.24	Thực hiện tổ chức liên hoan nghệ thuật;	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	85
1.25	Tổ chức cho các đơn vị nghệ thuật tham dự liên hoan đi biểu diễn phục vụ nhân dân (nếu có)	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	20
1.26	Tổ chức buổi tọa đàm về nghệ thuật trong thời gian diễn ra liên hoan (nếu có):	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	35
1.27	Tổ chức họp Hội đồng Nghệ thuật, đánh giá và đưa ra kết quả tại liên hoan	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	90
1.28	Vận hành âm thanh, ánh sáng, sân khấu, ghi hình các buổi diễn thi (tính theo từng buổi diễn)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.29	Thư ký liên hoan tổng hợp kết quả từ các cuộc họp Hội đồng Nghệ thuật, lập biên bản cuộc họp	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25
	Công tác tổng kết, trao giải, kết thúc			
1.30	Xây dựng kịch bản và tổ chức tổng duyệt chương trình bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.31	Tổ Thư ký căn cứ kết quả chấm điểm của Hội đồng Nghệ thuật, dự thảo Quyết định trao giải thưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; in bằng chứng nhận tương ứng với số giải thưởng được trao tại liên	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	25

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	hoan			
1.32	Tổ chức bế mạc, trao giải liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	45
1.33	Tháo dỡ kỹ thuật, thu hồi trang thiết bị	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	20
1.34	Họp tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.35	Thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
	Công tác hậu cần			
1.36	Bố trí phương tiện đi lại, chỗ ăn, nghỉ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tổ Thư ký, Hội đồng Nghệ thuật và các Tiểu ban Giúp việc trong quá trình diễn ra liên hoan nghệ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.37	Chuẩn bị công tác lễ tân, người dẫn chương trình, trang phục, đạo cụ tại Lễ Khai mạc và Bế mạc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
1.38	Thiết kế bộ nhận diện, logo biểu tượng; thiết kế, biên tập, duyệt maket và in ấn giấy mời, băng rôn, pano, áp phích, phù hiệu, thẻ tên, chuẩn bị cúp, cờ lưu niệm, giấy khen, giấy chứng nhận, kỷ yếu...	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.39	Giám sát tháo dỡ, dọn dẹp sau khi kết thúc liên hoan	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.40	Giám sát an ninh, y tế, phòng cháy chữa cháy	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.41	Hậu cần đối với các liên hoan nghệ thuật có yếu tố quốc tế (nếu có)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
2	**Lao động gián tiếp** **(**Tính bằng 15% tổng công lao động trực tiếp)		Công	15%
B	**Máy móc, thiết bị**			
1	Máy tính để bàn		ca	50
2	Máy tính xách tay		ca	100
3	Máy in lazer A4		ca	0,33
4	Máy ảnh chuyên dụng		ca	10
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Dập ghim		Cái	1
2	Ghim		Hộp	2

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
3	Bút nhớ dòng	Chiếc	2
4	Bút ký	Chiếc	2
5	Mực in lazer A4 đen	Hộp	1,6
6	Giấy in A4	Tờ	4000
7	Túi (file) đựng tài liệu	Cái	50
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ	Cái	2
9	Bút bi	Chiếc	20
10	Pin AA, AAA cho thiết bị	Viên	60
11	Nước uống	Bình	30
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)	%	10%

Ghi chú: Định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên chưa bao gồm các khoản hao phí, chi phí sau: chi phí bản quyền trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 287/2026/NĐ-CP của Chính phủ); chi phí phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ) và các khoản công tác phí, chi phí thuê, mua ngoài có liên quan khác. Các khoản chi phí này được tính theo qui định nêu tại điểm 4, mục II, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.

Phụ lục 3

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC DÀN DỰNG, BIỂU DIỄN CÁC TÁC PHẨM THUỘC THỂ LOẠI NHẠC VŨ KỊCH VÀ GIAO HƯỞNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng 12 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

1. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU CÁC TÁC PHẨM THUỘC THỂ LOẠI NHẠC VŨ KỊCH VÀ GIAO HƯỞNG

1.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng
I	**SƯU TẦM, XỬ LÝ TƯ LIỆU**	
1	Xây dựng đề cương, kế hoạch và lập danh mục nguồn; xác định tư liệu cần sưu tầm, đối chiếu	Bậc 4, 3 hoặc tương đương
2	Khảo sát, thu thập tư liệu; xác minh nguồn gốc tác phẩm	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương
3	Phân loại, biên tập, số hóa; lập dữ liệu mô tả và kiểm tra tính toàn vẹn của tư liệu	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương
4	Ký âm; chép, ghép, phục hồi, hiệu chỉnh và hoàn thiện tổng phổ, phân phổ, bản nhạc số; tạo bản âm thanh, hình ảnh minh họa khi cần thiết	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương
II	**NGHIÊN CỨU, PHẢN BIỆN VÀ HOÀN THIỆN**	
5	Đối chiếu phiên bản; nghiên cứu nội dung và đặc điểm chuyên môn	Bậc 4, 3 hoặc tương đương
6	Tư vấn, phản biện kết quả sưu tầm, nghiên cứu	Bậc 5, 4 hoặc tương đương
7	Tiếp thu; hoàn thiện báo cáo, dữ liệu và lập hồ sơ bàn giao	Bậc 4, 3 hoặc tương đương

1.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 hồ sơ sưu tầm/nghiên cứu

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
1.1	Xây dựng đề cương, kế hoạch và lập danh mục nguồn; xác định tư liệu cần sưu tầm, đối chiếu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	40
1.2	Khảo sát, thu thập tư liệu; xác minh nguồn gốc tác phẩm	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	66

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.3	Phân loại, biên tập, số hóa; lập dữ liệu mô tả và kiểm tra tính toàn vẹn của tư liệu	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	66
1.4	Ký âm; chép, ghép, phục hồi, hiệu chỉnh và hoàn thiện tổng phổ, phân phổ, bản nhạc số; tạo bản âm thanh, hình ảnh minh họa khi cần thiết	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	66
1.5	Đối chiếu phiên bản; nghiên cứu nội dung và đặc điểm chuyên môn	Bậc 4, 3 hoặc tương đương	Công	66
1.6	Tư vấn, phản biện kết quả sưu tầm, nghiên cứu	Bậc 5, 4 hoặc tương đương	Công	35
1.7	Tiếp thu; hoàn thiện báo cáo, dữ liệu và lập hồ sơ bàn giao	Bậc 4, 3 hoặc tương đương	Công	15
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% hao phí tổng lao động trực tiếp)		Công	15%
B	**Máy móc, thiết bị, nhạc cụ**			
1	Máy tính chuyên dụng		Ca	280
2	Máy in lazer A3		Ca	2,08
3	Máy scaner A3		Ca	25
4	Máy quay phim chuyên dụng		Ca	12
5	Bộ thiết bị ghi âm chuyên dụng		Ca	12
6	Bộ thiết bị đọc, số hóa và chuyển đổi tư liệu âm thanh, hình ảnh		Ca	30
7	Đàn phím điện tử hoặc thiết bị nhập dữ liệu âm nhạc kết nối máy tính		Ca	35
8	Bộ thiết bị nghe chuyên dụng		Ca	50
9	Máy chiếu chuyên dụng		Ca	3
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Giấy in A4		Tờ	2.000
2	Giấy in A3		Tờ	500
3	Mực máy in lazer A3 đen		Hộp	0,3
4	Cặp hồ sơ		Chiếc	9
5	Thiết bị ghi dữ liệu (USB hoặc tương đương)		Chiếc	2
6	Nhãn dán tài liệu		Bộ	9
7	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)		%	10%

2. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC DÀN DỰNG VÀ BIỂU DIỄN TÁC PHẨM THUỘC THỂ LOẠI GIAO HƯỞNG, HÒA TẤU THÍNH PHÒNG

2.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
2	Khảo sát địa điểm biểu diễn và xác định điều kiện tổ chức, kỹ thuật	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	
3	Kiểm tra, chuẩn bị, bảo dưỡng và hiệu chỉnh nhạc cụ	Bậc 3, 2 hoặc tương đương	
4	Kiểm tra cơ sở pháp lý và tư liệu âm nhạc	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
5	Nghiên cứu tác phẩm và xác lập định hướng nghệ thuật	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
6	Chuẩn bị bản nhạc, dịch giọng, tổng phổ và phân phổ	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
II	CÔNG TÁC LUYỆN TẬP CÁ NHÂN, LUYỆN TẬP PHỐI HỢP VÀ DÀN DỰNG		
1	Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
2	Tổng đạo diễn, Đạo diễn chương trình nghệ thuật		
3	Chỉ đạo nghệ thuật		
4	Nhạc sỹ sáng tác, phối khí, chuyển thể, biên tập âm nhạc		
5	Chỉ huy dàn nhạc		
6	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
7	Họa sĩ thiết kế phục trang		
8	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
9	Người thiết kế ánh sáng		
10	Người thiết kế âm thanh		
11	Chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
12	Diễn viên đảm nhiệm vai trò chính, diễn viên chính trong các chương trình		
13	diễn viên chính thứ trong các chương trình		
14	Diễn viên đảm nhiệm vai trò phụ;		

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
	hợp xướng viên; nhạc công; diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử;		
15	Kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu,		
16	Nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.		
17	Biên tập nội dung chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
18	Xây dựng kịch bản chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
19	Viết lời dẫn, lời bình	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	
20	Điều phối bộ phận kỹ thuật sân khấu và diễn viên biểu diễn	Bậc 3, 2, 1 hoặc tương đương	
21	Dẫn chương trình	Bậc 3, 2, 1 hoặc tương đương	
22	Công việc âm thanh	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	
23	Công việc ánh sáng	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	
24	Kỹ thuật sân khấu	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
25	Trang phục	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	
26	Hình ảnh, trình chiếu và kỹ thuật nghe nhìn	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	
27	Quản lý, kỹ thuật, bảo dưỡng, hiệu chỉnh và phục vụ vận chuyển nhạc cụ	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	
III	**Công tác thi công – dàn dựng sân khấu và các công việc có liên quan đến các nhân sự không thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn**		
1	Nhân sự thực hiện không thuộc lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn (diễn viên quần chúng, lực lượng quần chúng...)		Thực hiện theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
2	Sân khấu		
3	Dàn không gian		
4	Âm thanh, ánh sáng, màn hình Led		
5	Công nghệ trình diễn hiện đại (3D mapping, drone show, kinetic, laser, tracking, show control...)		

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
6	Địa điểm tập luyện, hợp luyện		
7	Địa điểm Sơ duyệt		
8	Địa điểm Tổng duyệt		
9	Địa điểm biểu diễn		
10	Thông tin truyền thông		
11	Phòng thu âm		
11	Băng rôn, pano, áp phích...		
13	Trang phục		
14	Đạo cụ		
15	Sản xuất hình ảnh minh họa		
16	Vật liệu ghi âm, ghi hình lưu trữ		
IV	CÔNG TÁC TỔ CHỨC SƠ DUYỆT, TỔNG DUYỆT VÀ BIỂU DIỄN		
1	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
2	Chỉnh sửa sau sơ duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
3	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
4	Tổ chức biểu diễn chính thức	Bậc 5, 4, 3, 2 hoặc tương đương	
VI	HOÀN THIỆN HỒ SƠ CHUYÊN MÔN, NGHIỆM THU SẢN PHẨM		
1	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
2	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

2.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 chương trình nghệ thuật giao hưởng/01 chương trình nghệ thuật hòa tấu thính phòng (thời lượng từ 60 phút đến 90 phút)

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Công tác chuẩn bị			
1.1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	10

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.2	Khảo sát địa điểm biểu diễn và xác định điều kiện tổ chức, kỹ thuật	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	Công	15
1.3	Kiểm tra, chuẩn bị, bảo dưỡng và hiệu chỉnh nhạc cụ	Bậc 3, 2 hoặc tương đương	Công	10
1.4	Kiểm tra cơ sở pháp lý và tư liệu âm nhạc	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	30
1.5	Nghiên cứu tác phẩm và xác lập định hướng nghệ thuật	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	60
1.6	Chuẩn bị bản nhạc, dịch giọng, tổng phổ và phân phổ	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	30
	Công tác luyện tập và phối hợp dàn dựng			
1.7	Biên tập nội dung chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	15
1.8	Xây dựng kịch bản chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	15
1.9	Viết lời dẫn, lời bình	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	Công	5
1.10	Điều phối bộ phận kỹ thuật sân khấu và diễn viên biểu diễn	Bậc 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	8
1.11	Dẫn chương trình	Bậc 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	3,5
1.12	Công việc âm thanh	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	6
1.13	Công việc ánh sáng	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	6
1.14	Kỹ thuật sân khấu	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	6
1.15	Trang phục	Bậc 4, 3, 2 hoặc tương đương	Công	6
1.16	Hình ảnh, trình chiếu và kỹ thuật nghe nhìn	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	6
1.17	Quản lý, kỹ thuật, bảo dưỡng, hiệu chỉnh và phục vụ vận chuyển nhạc cụ	Bậc 4, 3, 2, 1 hoặc tương đương	Công	6
	Công tác tổ chức sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn			
1.18	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	75

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.19	Chỉnh sửa sau sơ duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	50
1.20	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	25
1.21	Tổ chức biểu diễn chính thức	Bậc 5, 4, 3, 2 hoặc tương đương	Công	25
	Công tác hoàn thiện hồ sơ, nghiệm thu sản phẩm			
1.22	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	30
1.23	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
2	**Lao động gián tiếp (tính bằng 15% tổng hao phí lao động trực tiếp)**			15%
B	**Máy móc, thiết bị**			
1.1	Máy tính chuyên dụng		Ca	5
1.2	Máy in lazer A4		Ca	2
1.3	Máy ảnh		Ca	3
1.4	Máy quay phim chuyên dụng		Ca	12
1.5	Thiết bị ghi âm chuyên dụng		Ca	12
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	**Vật tư bản nhạc, hồ sơ và ghi chép chuyên môn**			
1.1	Giấy in A4		Tờ	3000
1.2	Mực máy in lazer A4 đen		Hộp	1,2
1.3	Sổ ghi chép chuyên môn		Quyển	1
1.4	Bìa kẹp phân phổ		Bìa	107
1.5	Cặp hồ sơ		Chiếc	9
1.6	Thiết bị ghi dữ liệu (USB hoặc tương đương)		Chiếc	2
1.7	Nhãn dán tài liệu		Bộ	9
1.8	Vật tư, vật liệu phụ		%	10%
2	**Vật tư tiêu hao chuyên ngành nhạc cụ**			
2.1	Dây đàn violin		Bộ/01 nhạc cụ	0,3
2.2	Dây đàn viola		Bộ/01 nhạc cụ	0,3
2.3	Dây đàn cello		Bộ/01 nhạc cụ	0,3
2.4	Dây đàn contrabass		Bộ/01 nhạc cụ	0,3
2.5	Nhựa thông dùng cho nhạc cụ		Hộp/01 nhạc	0,05

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	dây	cụ	
2.6	Dăm kèn clarinet	Cái/01 nhạc cụ	10
2.7	Dăm kèn oboe	Cái/01 nhạc cụ	10
2.8	Dăm kèn bassoon	Cái/01 nhạc cụ	10
2.9	Mỡ nút dùng cho kèn gỗ	Tuýp/01 nhạc cụ	0,2
2.10	Dầu bôi van/piston hoặc vật tư bôi trơn cơ cấu van	Lọ/01 nhạc cụ	0,2
2.11	Dầu hoặc mỡ bôi ống trượt	Lọ/01 nhạc cụ	0,4
2.12	Dùi trống định âm (timpani mallets)	Đôi/01 nhạc cụ	0,2
2.13	Dùi marimba, xylophone	Đôi/01 nhạc cụ	0,2
2.14	Dùi glockenspiel, chimes, vibraphone	Đôi/01 nhạc cụ	0,1
2.15	Dùi trống nhỏ	Đôi/01 nhạc cụ	0,2
2.16	Dùi trống lớn	Chiếc/01 nhạc cụ	0,1
2.17	Màng trống định âm	Bộ/01 nhạc cụ	0,1
2.18	Màng trống nhỏ	Bộ/01 nhạc cụ	0,1
2.19	Dây rung trống nhỏ (snare wire)	Bộ/01 nhạc cụ	0,1

3. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC DÀN DỰNG VÀ BIỂU DIỄN TÁC PHẨM THUỘC THỂ LOẠI VŨ KỊCH (BALLET)

3.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
I	**CHUẨN BỊ TÁC PHẨM, CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN DÀN DỰNG**		
1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Khảo sát phòng tập, sân khấu, địa điểm biểu diễn và xác định điều kiện tổ chức, kỹ thuật, điều kiện an toàn nghề nghiệp	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	Thu thập, kiểm tra và hệ thống hóa hồ sơ tác phẩm	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4	Nghiên cứu tác phẩm và xác định phạm vi tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
5	Kiểm tra cơ sở pháp lý và hồ sơ tư liệu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
6	Xác định lực lượng biểu diễn và phân vai	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
7	Xác định phương án âm nhạc	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
8	Xây dựng kế hoạch dàn dựng, huấn luyện, luyện tập và biểu diễn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
9	Xây dựng phương án thuê, mời nhân sự, tài sản và dịch vụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
10	Chuẩn bị hồ sơ, lịch và tài liệu điều phối chuyên môn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
II	**XÂY DỰNG NỘI DUNG, PHƯƠNG ÁN NGHỆ THUẬT VÀ THIẾT KẾ**		
11	Xác định định hướng nghệ thuật và tiêu chuẩn chất lượng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
12	Biên tập cấu trúc chương trình/tác phẩm	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
13	Xây dựng/chuyển thể kịch bản múa, vũ kịch khi có		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
14	Sáng tạo hoặc xác định phương án biên đạo		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
15	Xây dựng phương án phục dựng phiên bản đã có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
16	Xây dựng phương án đạo diễn sân khấu – phần triển khai thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
17	Thiết kế mỹ thuật sân khấu và cảnh trí		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
18	Thiết kế phục trang, giày múa và phụ kiện		
19	Thiết kế đạo cụ và vật thể tương tác		
20	Thiết kế ánh sáng, âm thanh, hình ảnh và tín hiệu kỹ thuật		
III	**DÀN DỰNG, PHỤC DỰNG, HUẤN LUYỆN VÀ LUYỆN TẬP**		
1	Biên tập nội dung chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
2	Triển khai phương án biên đạo/dàn dựng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3	Phục dựng tác phẩm hoặc phiên bản	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
4	Ghi chép và duy trì phương án dàn dựng	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5	Huấn luyện kỹ thuật múa và chuẩn bị thể lực	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
6	Triển khai, thử và điều chỉnh phục trang, giày, đạo cụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
7	Biên đạo/dàn dựng		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
8	Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng)		
9	Nhạc sĩ (bao gồm sáng tác, phối khí, biên tập)		
10	Họa sĩ (bao gồm makét, phong cảnh, bục diễn, trang phục, đạo cụ...)		
11	Chỉ đạo nghệ thuật		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
12	Chỉ huy dàn nhạc		
13	Người thiết kế ánh sáng		
14	Người thiết kế âm thanh		
15	Chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
16	Diễn viên đảm nhiệm vai trò chính, diễn viên chính trong các chương trình		
17	diễn viên chính thứ trong các chương trình		
18	Diễn viên đảm nhiệm vai trò phụ; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công; diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử; kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng, sân khấu;		
19	Kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu,		
20	Nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.		
IV	**KỸ THUẬT SÂN KHẤU, HẬU ĐÀI VÀ PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN**		
1	Chuẩn bị, lắp đặt và xử lý sàn múa chuyên dụng		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2	Lắp dựng, vận hành và tháo dỡ cảnh trí/cơ cấu sân khấu		
3	Lắp đặt, căn chỉnh và vận hành âm thanh		
4	Lắp đặt, lập trình và vận hành ánh sáng		
5	Lắp đặt và vận hành hình ảnh, trình		

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
	chiếu		
6	Chuẩn bị, may chỉnh, quản lý và phục vụ phục trang/giày múa		
7	Chuẩn bị, quản lý và phục vụ đạo cụ		
8	Hóa trang, làm tóc, tóc giả và duy trì tạo hình		
9	Điều phối sân khấu, hậu đài và an toàn		
V	**HỢP LUYỆN, RÁP NỐI, DUYỆT VÀ BIỂU DIỄN**		
1	Hợp luyện các vai, nhóm múa và lực lượng tập thể		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2	Hợp luyện với âm nhạc trực tiếp		
3	Ráp nối màn, cảnh, lớp diễn và chuyển cảnh		
4	Ráp nối với cảnh trí, phục trang, đạo cụ và hóa trang		
5	Chạy kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, hình ảnh và cơ cấu sân khấu		
6	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	
7	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	
8	Tổ chức biểu diễn	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	
VI	**HOÀN THIỆN HỒ SƠ CHUYÊN MÔN, NGHIỆM THU SẢN PHẨM**		
1	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
2	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

3.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 tác phẩm múa, vở vũ kịch (ballet)/ 01 chương trình nghệ thuật múa (thời lượng từ 60 phút đến 90 phút)

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Chuẩn bị tác phẩm, chương trình và điều kiện dàn dựng			
1.1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.2	Khảo sát phòng tập, sân khấu,	Bậc 4,3,2 hoặc	Công	10

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	địa điểm biểu diễn và xác định điều kiện tổ chức, kỹ thuật, điều kiện an toàn nghề nghiệp	tương đương		
1.3	Thu thập, kiểm tra và hệ thống hóa hồ sơ tác phẩm	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.4	Nghiên cứu tác phẩm và xác định phạm vi tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.5	Kiểm tra cơ sở pháp lý và hồ sơ tư liệu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.6	Xác định lực lượng biểu diễn và phân vai	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.7	Xác định phương án âm nhạc	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.8	Xây dựng kế hoạch dàn dựng, huấn luyện, luyện tập và biểu diễn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.9	Xây dựng phương án thuê, mời nhân sự, tài sản và dịch vụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.10	Chuẩn bị hồ sơ, lịch và tài liệu điều phối chuyên môn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
	Xây dựng nội dung, phương án nghệ thuật và thiết kế			
1.11	Xác định định hướng nghệ thuật và tiêu chuẩn chất lượng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	22
1.12	Biên tập cấu trúc chương trình/tác phẩm	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	12
1.13	Xây dựng phương án phục dựng phiên bản đã có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	12
1.14	Xây dựng phương án đạo diễn sân khấu - phần trực tiếp triển khai dàn dựng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	115
	Dàn dựng, phục dựng, huấn luyện và luyện tập			
1.15	Biên tập nội dung chương trình	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	Công	12
1.16	Triển khai phương án biên đạo/dàn dựng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	18
1.17	Phục dựng tác phẩm hoặc phiên bản	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	75
1.18	Ghi chép và duy trì phương án dàn dựng	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	45
1.19	Huấn luyện kỹ thuật múa và chuẩn bị thể lực	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	40
1.20	Triển khai, thử và điều chỉnh phục trang, giày, đạo cụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
	Kỹ thuật sân khấu, hậu đài và phục vụ chuyên môn			
1.21	Phụ trách sân khấu/điều phối biểu diễn	Bậc 4,3 hoặc tương đương	Công	12
1.22	Chuẩn bị, lắp đặt, vệ sinh và xử lý sàn múa chuyên dụng	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	8
1.23	Chế tác/hoàn thiện/lắp đặt và tháo dỡ cảnh trí, phông màn, bục diễn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.24	May đo, chỉnh sửa, hoàn thiện phục trang, giày múa và phụ kiện (trường hợp tự thực hiện)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công/1 bộ	18
1.25	Chế tác, hoàn thiện, kiểm tra và chuẩn bị đạo cụ (trường hợp tự thực hiện)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
1.26	Kỹ thuật viên hình ảnh, trình chiếu, đa phương tiện	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	8
1.27	Kiểm tra an toàn nghề nghiệp, hỗ trợ sơ cứu và xử lý sự cố ban đầu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	8
1.28	Ghi hình, lưu tư liệu, theo dõi phiên bản dàn dựng	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	8
1.29	Người dẫn chương trình	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	3,5
	Hợp luyện, ráp nối, duyệt và biểu diễn			
1.30	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	Công	75
1.31	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	Công	50
1.32	Tổ chức biểu diễn	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương		25
	Hoàn thiện hồ sơ chuyên môn, nghiệm thu sản phẩm			
1.33	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	30
1.34	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
2	**Lao động gián tiếp** (tính bằng 15% tổng hao phí lao động trực tiếp)		Công	15%

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
B	**Máy móc, thiết bị, nhạc cụ**			

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
1	**Máy móc, thiết bị**			
1.1	Máy tính chuyên dụng	Ca	8	
1.2	Máy in lazer A4	Ca	0,08	
1.3	Máy quay phim chuyên dụng	Ca	6	
1.4	Hệ thống âm thanh sân khấu	Ca	12	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.5	Hệ thống ánh sáng sân khấu	Ca	20	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.6	Máy chiếu chuyên dụng	Ca	15	
1.7	Máy bộ đàm	Ca	10	
1.8	Sàn múa chuyên dụng	Ca	60	
1.9	Thiết bị/phương tiện bố trí sân khấu, cảnh trí và chuyển đổi vị trí	Ca	15	
1.10	Thiết bị treo, nâng hạ và cơ cấu kỹ thuật sân khấu	Ca	10	
1.11	Thiết bị hiệu ứng sân khấu	Ca	6	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.12	Máy may và thiết bị hoàn thiện phục trang	Ca	12	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.13	Thiết bị là, hấp, sấy, bảo quản phục trang	Ca	10	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.14	Thiết bị/dụng cụ hóa trang, làm tóc, tóc giả	Ca	10	
1.15	Thiết bị/dụng cụ chế tác, sửa chữa cảnh trí, đạo cụ	Ca	15	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.16	Thiết bị hỗ trợ sơ cứu, phục hồi và xử lý chấn thương ban đầu	Ca	10	
TT	**Thành phần hao phí**	**Đơn vị tính**	**Trị số định mức hao phí**	**Ghi chú**
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Vật tư, hồ sơ và ghi chép chuyên môn			
1.1	Giấy in A4	Tờ	1000	
1.2	Mực in lazer A4 đen	Hộp/bộ	0,4	

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
1.3	Sổ ghi chép chuyên môn	Quyển	1	
1.4	Bìa kẹp phân phổ	Bìa	1	
1.5	Cặp hồ sơ	Chiếc	9	
1.6	Thiết bị ghi dữ liệu (USB hoặc tương đương)	Chiếc	2	
1.7	Nhãn dán tài liệu	Bộ	9	
1.8	Vật tư, vật liệu phụ	%	10%	
2	**Sàn múa và đánh dấu sân khấu**			
2.1	Băng dính chuyên dụng nối, cố định sàn múa	Cuộn	12	
2.2	Băng dính đánh dấu vị trí, đường di chuyển	Cuộn	4	
2.3	Dung dịch vệ sinh sàn múa chuyên dụng	Lít	12	
2.4	Vật liệu hỗ trợ chống trượt được phép sử dụng	Kg	2	
2.5	Khăn, chổi, cây lau và vật tư vệ sinh sàn	Bộ	4	
3	**Giày múa và phụ kiện**			
3.1	Giày mũi cứng đối với diễn viên vai chính	Đôi/01 người	6	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.2	Giày mũi cứng đối với diễn viên vai chính thứ	Đôi/01 người	4	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.3	Giày mũi cứng đối với diễn viên khác có sử dụng kỹ thuật pointe	Đôi/01 người	3	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.4	Giày múa mềm	Đôi/01 người	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.5	Ruy băng, dây thun, đệm ngón và phụ kiện cho giày mũi cứng	Bộ/01 đôi giày	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.6	Giày múa dân gian, đương đại, giày nhân vật hoặc giày chuyên dụng khác	Đôi/01 người	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
3.7	Băng bảo vệ cổ chân, bàn chân, đầu gối hoặc vật tư bảo vệ chuyên dụng	Đôi/01 người	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
4	**Vật tư phục trang, hóa trang, đạo cụ và cảnh trí**			
4.1	Vật tư cố định tóc, hóa trang và xử lý nhanh phục trang	Bộ/01 người	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
4.2	Vật tư sửa chữa nhỏ phục trang, giày, phụ kiện, đạo cụ	Bộ	10	

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
4.3	Vật liệu chế tác mới cảnh trí, đạo cụ, phục trang, sản phẩm mỹ thuật			Theo gói thầu thuê/mua ngoài
4.4	Vật tư tiêu hao của nhạc cụ biểu diễn trực tiếp			Áp dụng theo bảng định mức tại mục 2, phụ lục này

4. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC DÀN DỰNG VÀ BIỂU DIỄN TÁC PHẨM THUỘC THỂ LOẠI THANH NHẠC, NHẠC KỊCH (OPERA)

4.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
I	**CHUẨN BỊ TÁC PHẨM, PHIÊN BẢN VÀ ĐIỀU KIỆN DÀN DỰNG**		
1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Khảo sát địa điểm, hố nhạc và điều kiện sân khấu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	Thu thập, kiểm tra và hệ thống hóa hồ sơ tác phẩm; kiểm tra nguồn tác phẩm và cơ sở pháp lý	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4	Nghiên cứu cấu trúc kịch - âm nhạc và xác định phương án tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
6	Kiểm tra, chuẩn bị nhạc cụ và thiết bị chuyên môn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
7	Tuyển chọn, phân vai và xác định lực lượng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
8	Xác định phương án ngôn ngữ, lời ca và phụ đề	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
9	Xây dựng kế hoạch dàn dựng, luyện tập và biểu diễn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
10	Xây dựng phương án thuê, mời và lựa chọn dịch vụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
II	**XÂY DỰNG NỘI DUNG, PHƯƠNG ÁN NGHỆ THUẬT VÀ THIẾT KẾ**		
1	Biên tập nội dung	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Xây dựng/triển khai phương án đạo diễn sân khấu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3	Xây dựng phương án âm nhạc và chỉ huy	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
4	Sáng tác, biên tập, chỉnh lý, phối khí hoặc chuyển soạn âm nhạc khi có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
5	Nhạc sĩ		Chức danh tham gia

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
6	Biên kịch		thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
7	Đạo diễn		
8	Chỉ huy dàn nhạc giao hưởng và hợp xướng		
9	Họa sĩ thiết kế (bao gồm ma-két, phong cảnh, bục diễn, trang phục, đạo cụ)		
10	Người thiết kế ánh sáng		
11	Xây dựng, chuyển thể hoặc chỉnh lý kịch bản/lời ca		
12	Thiết kế sân khấu, cảnh trí và không gian biểu diễn		
13	Thiết kế phục trang, mũ, giày, phụ kiện		
14	Thiết kế đạo cụ		
15	Thiết kế âm thanh, hình ảnh, trình chiếu/phụ đề		
III	**CHUẨN BỊ VÀ DÀN DỰNG PHẦN THANH NHẠC, HỢP XƯỚNG VÀ ÂM NHẠC**		
1	Chuẩn bị tổng phổ, phân phổ, vocal score, libretto và tài liệu chuyên môn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Huấn luyện thanh nhạc và phong cách		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
3	Luyện ngôn ngữ, phát âm và chuyển ngữ thể hiện		
4	Luyện vai với piano/coach		
5	Luyện tập hợp xướng		
6	Luyện riêng dàn nhạc		
7	Luyện tập vai chính, chính thứ và vai phụ		
8	Luyện tập lĩnh xướng, độc xướng và nhóm thanh nhạc		
9	Phục dựng phần thanh nhạc/âm nhạc của phiên bản đã có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
10	Phối hợp chỉ huy dàn nhạc và chỉ huy hợp xướng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
11	Chuẩn bị và phối hợp phần múa/chuyển động sân khấu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
12	Chuẩn bị lực lượng quần chúng/thành phần bổ trợ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
13	Theo dõi, ghi chép và duy trì phiên bản âm nhạc - sân khấu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
IV	**TRIỂN KHAI DÀN DỰNG SÂN KHẤU, KỸ THUẬT VÀ HẬU ĐÀI**		
1	Dàn dựng diễn xuất và lớp diễn		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
2	Triển khai, lắp dựng và hoàn thiện cảnh trí	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	May đo, thử và hoàn thiện phục trang	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
4	Chế tác và hoàn thiện đạo cụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5	Lắp đặt, căn chỉnh và vận hành âm thanh		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
6	Lắp đặt, lập trình và vận hành ánh sáng		
7	Lắp đặt và vận hành hình ảnh, trình chiếu, phụ đề		
8	Lắp đặt/vận hành cơ cấu sân khấu, chuyển cảnh, treo và nâng hạ		
9	Điều phối sân khấu và hậu đài		
10	Quản lý, cấp phát và phục vụ phục trang/đạo cụ/hóa trang		
11	Kiểm tra an toàn và phương án ứng phó sự cố	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
V	**HỢP LUYỆN, RÁP NỐI, DUYỆT VÀ BIỂU DIỄN**		
1	Hợp luyện ca sĩ, hợp xướng, dàn nhạc	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
2	Ráp nối màn, cảnh, lớp diễn và chuyển cảnh	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
3	Ráp nối với phục trang, hóa trang và đạo cụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
4	Chạy kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, hình ảnh, phụ đề và cơ cấu sân khấu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
5	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
6	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
7	Tổ chức biểu diễn	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	
VI	**HOÀN THIỆN HỒ SƠ CHUYÊN MÔN, NGHIỆM THU SẢN PHẨM**		
1	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	

TT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức, lao động hợp đồng	Ghi chú
2	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

4.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: 01 vở thanh nhạc, nhạc kịch (opera), nhạc kịch nhỏ (operetta), nhạc kịch (musical) hoặc tác phẩm sân khấu âm nhạc tương đương (thời lượng từ 90 phút đến 120 phút)

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Chuẩn bị tác phẩm, phiên bản và điều kiện dàn dựng			
1.1	Lập kế hoạch và phương án tổ chức thực hiện	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	15
1.2	Khảo sát địa điểm, hố nhạc và điều kiện sân khấu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.3	Thu thập, kiểm tra và hệ thống hóa hồ sơ tác phẩm; kiểm tra nguồn tác phẩm và cơ sở pháp lý	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.4	Nghiên cứu cấu trúc kịch - âm nhạc và xác định phương án tổ chức	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	30
1.5	Kiểm tra, chuẩn bị nhạc cụ và thiết bị chuyên môn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	10
1.6	Tuyển chọn, phân vai và xác định lực lượng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.7	Xác định phương án ngôn ngữ, lời ca và phụ đề	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.8	Xây dựng kế hoạch dàn dựng, luyện tập và biểu diễn	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	10
1.9	Xây dựng phương án thuê, mời và lựa chọn dịch vụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
	Xây dựng nội dung, phương án nghệ thuật và thiết kế			
1.10	Biên tập nội dung	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	60
1.11	Xây dựng/triển khai phương án đạo diễn sân khấu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	55
1.12	Xây dựng phương án âm nhạc và chỉ huy	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1.13	Sáng tác, biên tập, chỉnh lý, phối khí hoặc chuyển soạn âm nhạc khi có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	36
	Chuẩn bị và dàn dựng phần thanh nhạc, hợp xướng và âm nhạc			
1.14	Chuẩn bị tổng phổ, phân phổ, vocal score, libretto và tài liệu chuyên môn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	36
1.15	Phục dựng phần thanh nhạc/âm nhạc của phiên bản đã có	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	55
1.16	Phối hợp chỉ huy dàn nhạc và chỉ huy hợp xướng	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.17	Chuẩn bị và phối hợp phần múa/chuyển động sân khấu	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30
1.18	Chuẩn bị lực lượng quần chúng/thành phần bổ trợ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	75
1.19	Theo dõi, ghi chép và duy trì phiên bản âm nhạc - sân khấu	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	36
	Triển khai dàn dựng sân khấu, kỹ thuật và hậu đài			
1.20	Triển khai, lắp dựng và hoàn thiện cảnh trí	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	38
1.21	May đo, thử và hoàn thiện phục trang	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công/1 bộ	18
1.22	Chế tác và hoàn thiện đạo cụ	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công/1 bộ	15
1.23	Kiểm tra an toàn và phương án ứng phó sự cố	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
	Hợp luyện, ráp nối, duyệt và biểu diễn			
1.24	Tổ chức sơ duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	75
1.25	Tổ chức tổng duyệt	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	50
1.26	Tổ chức biểu diễn	Bậc 5,4,3,2 hoặc tương đương	Công	25
	Hoàn thiện hồ sơ chuyên môn, nghiệm thu sản phẩm			
1.27	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	30
1.28	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc	Công	30

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
		tương đương		
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% tổng hao phí lao động trực tiếp)		Công	15%

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
B	**Máy móc, thiết bị**			
1.1	Máy tính chuyên dụng	Ca	10	
1.2	Máy in lazer A4	Ca	7	
1.3	Máy quay phim chuyên dụng	Ca	8	
1.4	Hệ thống âm thanh	Ca	22	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.5	Hệ thống ánh sáng sân khấu	Ca	28	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.6	Thiết bị sân khấu, cơ khí sân khấu và chuyển cảnh	Ca	30	
1.7	Máy chiếu chuyên dụng	Ca	20	
1.8	Thiết bị phục vụ hóa trang, tóc giả, phục trang	Ca	18	
1.9	Thiết bị vận chuyển, nâng hạ phục vụ cảnh trí/đạo cụ	Ca	15	
1.10	Máy bộ đàm	Ca	20	
1.11	Máy may, thiết bị hoàn thiện và bảo quản phục trang	Ca	15	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.12	Thiết bị/dụng cụ chế tác, sửa chữa cảnh trí và đạo cụ	Ca	20	Trường hợp áp dụng gói thầu thuê/mua ngoài thì không áp dụng định mức hao phí này
1.13	Thiết bị hỗ trợ sơ cứu và xử lý sự cố ban đầu	Ca	12	

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
C	**Vật tư, vật liệu**			
1	Vật tư, hồ sơ và ghi chép chuyên môn			
1.1	Giấy in A4	Tờ	1000	
1.2	Mực in lazer A4 đen	Hộp/bộ	0,4	

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
1.3	Sổ ghi chép chuyên môn	Quyển	1	
1.4	Bìa kẹp phân phổ	Bìa	1	
1.5	Cặp hồ sơ	Chiếc	9	
1.6	Thiết bị ghi dữ liệu (USB hoặc tương đương)	Chiếc	2	
1.7	Nhãn dán tài liệu	Bộ	9	
1.8	Vật tư, vật liệu phụ	%	10%	
2	**PHỤC TRANG, HÓA TRANG, TÓC GIẢ VÀ ĐẠO CỤ**			
2.1	Vật tư hóa trang, làm tóc, cố định tóc và xử lý tạo hình	Bộ/01 người	1	Tổng hao phí theo số lượng diễn viên thực tế sử dụng
2.2	Vật tư sửa chữa nhỏ phục trang, giày, phụ kiện	Bộ	10	
2.3	Vật tư sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ đạo cụ/cảnh trí trong quá trình dàn dựng	Bộ	10	
3	**CẢNH TRÍ, PHỤC TRANG, ĐẠO CỤ CHẾ TÁC MỚI**			
3.1	Vật liệu chế tác mới cảnh trí, phông màn, bục, cấu kiện mỹ thuật			Theo gói thầu thuê/mua ngoài được duyệt
3.2	Vật liệu may đo/chế tác mới phục trang, mũ, giày, phụ kiện			Theo gói thầu thuê/mua ngoài được duyệt
3.3	Vật liệu chế tác mới đạo cụ			Theo gói thầu thuê/mua ngoài được duyệt
4	**VẬT TƯ ÂM NHẠC VÀ KỸ THUẬT**			
4.1	Vật tư tiêu hao của nhạc cụ dàn nhạc			Áp dụng theo bảng định mức tại mục 2, phụ lục này
4.2	Vật tư kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, hình ảnh, phụ đề, sân khấu			Theo gói thầu thuê/mua ngoài được duyệt

5. Ghi chú

5.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên chưa bao gồm các khoản hao phí, chi phí sau: chi phí bản quyền trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 287/2026/NĐ-CP của Chính phủ); chi phí phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ) và các khoản công tác phí, chi phí thuê, mua ngoài có liên quan khác. Các khoản chi phí này được tính theo qui định nêu tại điểm 4, mục II, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.

5.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên chưa bao gồm các hao phí, chi phí nhạc cụ và các công cụ, dụng cụ sử dụng kèm theo như bục chỉ huy dàn nhạc, giá nhạc, ghế nhạc công, đèn bục chỉ huy, đèn chiếu tổng phổ, đèn giá nhạc, đèn chiếu phân phổ và các công cụ, dụng cụ liên quan khác. Khi lập dự toán kinh phí, số lượng nhạc cụ, chủng loại nhạc cụ và các công cụ, dụng cụ sử dụng luyện tập và biểu diễn được tính phù hợp theo yêu cầu nghệ thuật, qui mô cụ thể từng chương trình và các qui định có liên quan.

Phụ lục 4
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐỐI VỚI DỊCH VỤ PHỤC DỰNG, DÀN DỰNG VÀ TỔ CHỨC BIỂU DIỄN CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN CHUYÊN NGHIỆP PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ PHỤC DỰNG, DÀN DỰNG CHUYÊN NGHIỆP CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT, GỒM: TUỒNG, DẦN CA KỊCH, CHÈO, CẢI LƯƠNG, MÚA RỐI, KỊCH VÀ XIẾC

1.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Xây dựng kịch bản, chỉnh lý tích trò, chuyển thể, lựa chọn hình thức thể hiện, dàn dựng chương trình**		
1	Biên kịch		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
2	Chuyển thể kịch bản		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
3	Biên tập, chỉnh lý kịch bản, kich bản dàn dựng Xiếc	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương đương	
4	Đọc và góp ý chuyên môn đối với kịch bản	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
5	Xây dựng phương án và dàn dựng chương trình nghệ thuật: bao gồm đạo diễn, trợ lý đạo diễn, biên đạo múa, nhạc sĩ (bao gồm sáng tác, phối khí, biên tập)		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
6	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu, họa sĩ tạo hình con rối, họa sĩ thiết kế bộ máy con rối, họa sĩ thiết kế đạo cụ, họa sĩ thiết kế phục trang,		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	người thiết kế âm thanh, người thiết kế ánh sáng, Kỹ sư cơ khí chế tác (Đạo cụ xiếc)		CP
7	Họa sĩ thiết kế hình ảnh trình chiếu LED (visual)	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
8	Truyền dạy điều khiển con rối, truyền dạy huấn luyện con thú biểu diễn xiếc		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
9	Tổ chức tập luyện, truyền nghề, hướng dẫn kỹ thuật biểu diễn, hướng dẫn và xử lý võ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
10	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu, dàn nhạc xiếc		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
11	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
12	Chỉ huy luyện tập biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
13	Chủ nhiệm công trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
14	Phục vụ, kỹ thuật sân khấu	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
II	**Sản xuất, chế tác phông cảnh trang trí, con rối, đạo cụ, trang phục biểu diễn**		Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
1	Sản xuất, chế tác cảnh cứng - Nghiên cứu thiết kế mỹ thuật - Lựa chọn vật liệu phù hợp - Gia công kết cấu cảnh trí - Sơn, trang trí hoàn thiện - Lắp ráp, kiểm tra kỹ thuật - Sản xuất, gia công đạo cụ, hệ thống an toàn biểu diễn xiếc người, xiếc thú.		
2	Sản xuất, chế tác cảnh mềm - Thiết kế và cắt may các chi tiết cảnh mềm - Lựa chọn vật liệu phù hợp - Gia công phông màn, rèm che, y môn, mành, thảm... sân khấu		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	- Trang trí, hoàn thiện mỹ thuật - Kiểm tra chất lượng và nghiệm thu		
3	Sản xuất, chế tác con rối - Tạo hình con rối - Lựa chọn vật liệu chế tác - Gia công con rối - Sơn, trang trí, tạo hình hoàn thiện - Lắp đặt hệ thống điều khiển - Kiểm tra chất lượng và nghiệm thu		
4	Sản xuất chế tác, modul, đạo cụ sân khấu - Tạo hình các modul, đạo cụ - Lựa chọn vật liệu phù hợp - Gia công các chi tiết cấu thành - Lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm - Kiểm tra chất lượng sử dụng và an toàn kỹ thuật		
5	Sản xuất chế tác đạo cụ biểu diễn - Tạo hình các modul, đạo cụ - Lựa chọn vật liệu phù hợp - Gia công các chi tiết cấu thành - Lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm - Kiểm tra chất lượng sử dụng và an toàn kỹ thuật		
6	Sản xuất, chế tác phục trang biểu diễn - Tạo hình, thiết kế theo mục đích và ý tưởng của đạo diễn - Lựa chọn chất liệu vải và phụ kiện - Tiến hành đo kích thước - Cắt may, thêu, đính kết và hoàn thiện sản phẩm - Kiểm tra kích thước, chất lượng và nghiệm thu		
7	Sản xuất, chế tác phụ kiện biểu diễn - Tạo hình theo thiết kế mẫu phụ kiện - Lựa chọn vật liệu phù hợp - Gia công, tạo hình và hoàn thiện sản phẩm - Kiểm tra chất lượng, tính đồng bộ với phục trang và chương trình biểu diễn		
8	Sản xuất, thu thanh nhạc phục vụ chương trình - Tiếp nhận bản nhạc - Lập kế hoạch thu thanh, thuê phòng thu, ca sĩ - Thu thanh, hiệu ứng âm thanh với ca sĩ, nhạc công - Kiểm tra chất lượng bản thu, xuất file theo		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
	định dạng phục vụ luyện tập và biểu diễn - Lưu trữ, bàn giao sản phẩm		
9	Ghi hình tư liệu trong quá trình luyện tập - Chuẩn bị vận hành thiết bị ghi hình - Ghi hình các buổi luyện tập, chạy cảnh, báo cáo chương trình - Đảm bảo ghi nhận đầy đủ quá trình thực hiện chương trình - Phục vụ theo dõi, đánh giá, chỉnh sửa và lưu trữ tư liệu chuyên môn.		
III	**Rạp, Sân khấu, bể nước, trang trí sân khấu, hệ thống âm thanh ánh sáng, trang trí, máy móc thiết bị**		Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
1	Thi công, lắp dựng tháo dỡ sân khấu, bể nước, trang trí sân khấu - Khảo sát địa điểm lắp đặt - Vận chuyển vật tư, thiết bị đến địa điểm tổ chức - Thi công lắp dựng sân khấu - Thi công lắp dựng bể nước, thủy đình (đối với nghệ thuật múa rối) - Thi công sân khấu nước (Xiếc) - Lắp dựng cảnh trí và các hạng mục trang trí sân khấu. - Kiểm tra an toàn kỹ thuật trước khi vận hành - Tháo dỡ, thu hồi và bảo quản vật tư thiết bị sau khi kết thúc chương trình		
2	Lắp đặt, thi công hệ thống âm thanh, ánh sáng, thiết bị trình chiếu - Khảo sát địa điểm lắp đặt - Bố trí hệ thống âm thanh, ánh sáng theo thiết kế kỹ thuật - Lắp đặt thiết bị và đầu nối hệ thống - Vận hành phục vụ luyện tập và biểu diễn - Tháo dỡ, thu hồi thiết bị sau khi kết thúc chương trình		
IV	**Các công việc có liên quan đến các nhân sự không thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và dịch vụ thuê, mua ngoài khác (nếu có)**		Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giá, pháp luật về đấu
1	Nhân sự thực hiện không thuộc lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn (diễn viên quần chúng, lực lượng quần chúng...)		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
2	Sân khấu		thầu và các quy định của pháp luật có liên quan
3	Dàn không gian		
4	Âm thanh, ánh sáng, màn hình Led		
5	Công nghệ trình diễn hiện đại (3D mapping, drone show, kinetic, laser, tracking, show control...)		
6	Địa điểm tập luyện, hợp luyện		
7	Địa điểm Sơ duyệt		
8	Địa điểm Tổng duyệt		
9	Địa điểm biểu diễn		
11	Phòng thu âm		
12	Hàng hóa, dịch vụ thuê, mua ngoài khác (nếu có)		
IV	**Tổ chức luyện tập cá nhân và luyện tập phối hợp**		
1	Biên kịch		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
2	Đạo diễn		
3	Họa sĩ tạo hình con rối		
4	Biên đạo múa		
5	Nhạc sĩ (bao gồm sáng tác, phối khí, biên tập)		
6	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu		
7	Truyền dạy điều khiển con rối		
8	Họa sĩ thiết kế bộ máy con rối		
9	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
10	Họa sĩ thiết kế phục trang		
11	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
12	Người thiết kế ánh sáng		
13	Người thiết kế âm thanh		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
14	Trợ lý biên đạo múa, trợ lý đạo diễn, đạo diễn hình ảnh, đạo diễn sân khấu, đạo diễn âm nhạc, trợ lý chỉ huy dàn nhạc		
15	Chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
16	Diễn viên đảm nhiệm vai trò chính, diễn viên chính trong các chương trình		
17	diễn viên chính thứ trong các chương trình		
18	Diễn viên đảm nhiệm vai trò phụ; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công; diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử; kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng, sân khấu;		
19	Kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu, nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.		
IV	**Hoàn thiện hồ sơ chuyên môn, nghiệm thu sản phẩm**		
1	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
2	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	

1.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: Phục dựng hoặc Dàn dựng chuyên nghiệp 01 chương trình, tiểu phẩm, vở ngắn, vở vừa, vở dài… đối với 01 loại hình nghệ thuật, gồm: Tuồng, Dân ca kịch, Chèo, Cải lương, Múa rối, Kịch và Xiếc

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí			
				Tiểu phẩm (đến 20 phút)	Vở ngắn (từ 21 đến 45 phút)	Vở vừa (từ 46 đến 105 phút)	Vở dài (trên 105 phút)
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**					
1	**Lao động trực tiếp**						
	Xây dựng kịch bản, chỉnh lý tích trò, lựa chọn hình thức thể hiện, dàn dựng chương trình:						
1	Biên tập, chỉnh lý kịch bản	Bậc 5, 4, 3 hoặc tương	Công	33	61	75	89

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí			
				Tiểu phẩm (đến 20 phút)	Vở ngắn (từ 21 đến 45 phút)	Vở vừa (từ 46 đến 105 phút)	Vở dài (trên 105 phút)
		đương					
2	Đọc và góp ý chuyên môn đối với kịch bản	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	28	51	63	74
3	Họa sĩ thiết kế hình ảnh trình chiếu LED, Maping	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	29	54	67	79
4	Hướng dẫn, truyền nghề, huấn luyện con thú	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	33	61	75	89
5	Hướng dẫn và xử lý võ thuật	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	23	42	52	62
6	Chỉ đạo nghệ thuật	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	18	34	42	50
7	Chỉ huy biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	11	20	25	30
8	Chủ nhiệm công trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	17	30	38	45
9	Lắp, dựng sân khấu	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	149	149	149	149
10	Lắp đặt hệ thống âm thanh ánh sáng, trình chiếu	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	46	85	105	124
	Hoàn thiện hồ sơ chuyên môn:						
1.11	Tổng hợp tài liệu, lưu trữ hồ sơ	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	30	30	30	30
1.12	Thẩm định chương trình	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	30	30	30	30
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% tổng công lao động trực tiếp)		Công	15%	15%	15%	15%
B	**Máy móc, thiết bị**						
1	Máy tính để bàn		Ca	0,0040	0,0063	0,0080	0,0114

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí			
			Tiểu phẩm (đến 20 phút)	Vở ngắn (từ 21 đến 45 phút)	Vở vừa (từ 46 đến 105 phút)	Vở dài (trên 105 phút)
2	Máy tính xách tay	Ca	0,0080	0,0126	0,0160	0,0229
3	Máy in lazer A4	Ca	0,0024	0,0038	0,0048	0,0069
4	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,0112	0,0176	0,0224	0,0320
C	**Vật tư, vật liệu**					
1	Dập ghim	Cái	1	1	1	1
2	Ghim	Hộp	2	2	2	2
3	Bút nhớ dòng	Chiếc	2	2	2	2
4	Bút ký	Chiếc	2	2	2	2
5	Mực in lazer A4 đen	Hộp	1	1	1	1
6	Giấy in A4	Tờ	2.000	2.000	2.000	2.000
7	Túi (file) đựng tài liệu	Cái	50	50	50	50
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ	Cái	2	2	2	2
9	Bút bi	Chiếc	20	20	20	20
10	Pin AA, AAA cho thiết bị	Viên	60	60	60	60
11	Nước uống	Bình	30	30	30	30
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)	%	10%	10%	10%	10%

2. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ BIỂU DIỄN CHUYÊN NGHIỆP CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT, GỒM: TUỒNG, DÂN CA KỊCH, CHÈO, CẢI LƯƠNG, MÚA RỐI, KỊCH VÀ XIẾC

2.1. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
I	**Chuẩn bị chương trình biểu diễn**		
1	Khảo sát, lập kế hoạch tổ chức chương trình biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Lắp dựng sân khấu, bể nước, kỹ thuật	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
3	Chuẩn bị con rối, đạo cụ, phục trang, con thú biểu diễn xiếc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	
II	**Tổ chức biểu diễn**		
1	Phụ trách tổ chức chương trình biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
2	Chỉ huy đêm diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	
3	Phục vụ, kỹ thuật sân khấu	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	
4	Biên kịch		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 287/2026/NĐ-CP
5	Đạo diễn		
6	Họa sĩ tạo hình con rối		
7	Biên đạo múa		
8	Nhạc sĩ (bao gồm sáng tác, phối khí, biên tập)		
9	Chỉ huy dàn nhạc sân khấu		
10	Truyền dạy điều khiển con rối		
11	Họa sĩ thiết kế bộ máy con rối		
12	Họa sĩ thiết kế mỹ thuật sân khấu		
13	Họa sĩ thiết kế phục trang		
14	Họa sĩ thiết kế đạo cụ		
15	Người thiết kế ánh sáng		
16	Người thiết kế âm thanh		
17	Trợ lý biên đạo múa, trợ lý đạo diễn, đạo diễn hình ảnh, đạo diễn sân khấu, đạo diễn âm nhạc, trợ lý chỉ huy dàn nhạc		
18	Chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng		

STT	Nội dung công việc	Bậc nghề nghiệp viên chức	Ghi chú
19	Diễn viên đảm nhiệm vai trò chính, diễn viên chính trong các chương trình		Chức danh tham gia thực hiện theo NĐ 261/2026/NĐ-CP
20	diễn viên chính thứ trong các chương trình		
21	Diễn viên đảm nhiệm vai trò phụ; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công; diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử; kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng, sân khấu;		
22	Kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu, nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.		
III	**Kết thúc chương trình**		
1	Tháo dỡ sân khấu, bể nước, đạo cụ, thiết bị	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	

2.2. ĐỊNH MỨC

Đơn vị tính: Biểu diễn chuyên nghiệp 01 chương trình, tiểu phẩm, vở ngắn, vở vừa, vở dài ... đối với 01 loại hình nghệ thuật, gồm: Tuồng, Dân ca kịch, Chèo, Cải lương và Múa rối Tuồng, Dân ca kịch, Chèo, Cải lương, Múa rối, Kịch và Xiếc

TT	Thành phần hao phí		Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
A	**Nhân công**	**Bậc nghề nghiệp**		
1	**Lao động trực tiếp**			
	Chuẩn bị chương trình biểu diễn			
1.1	Khảo sát, lập kế hoạch tổ chức chương trình biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	25
1.2	Lắp dựng sân khấu, bể nước, kỹ thuật	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	80
1.3	Chuẩn bị con rối, đạo cụ, phục trang, con thú biểu diễn xiếc	Bậc 4,3,2 hoặc tương đương	Công	15
	Tổ chức biểu diễn			
1.4	Phụ trách tổ chức chương trình biểu diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	05
1.5	Chỉ huy đêm diễn	Bậc 5,4,3 hoặc tương đương	Công	05
	Kết thúc chương trình			
1.6	Tháo dỡ sân khấu, bể nước, đạo cụ, thiết bị	Bậc 3,2,1 hoặc tương đương	Công	50
2	**Lao động gián tiếp** (Tính bằng 15% tổng công lao động trực tiếp)		Công	15%

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
B	**Máy móc, thiết bị**		
1	Máy tính để bàn	Ca	0,0017
2	Máy tính xách tay	Ca	0,0029
3	Máy in lazer A4	Ca	0,0011
4	Máy ảnh chuyên dụng	Ca	0,0040
C	**Vật tư, vật liệu**		
1	Dập ghim	Cái	1
2	Ghim	Hộp	1
3	Bút nhớ dòng	Chiếc	3
4	Bút ký	Chiếc	3
5	Mực in lazer A4 đen	Hộp	1
6	Giấy in A4	Tờ	1,000
7	Túi (file) đựng tài liệu	Cái	10
8	Hộp bìa cứng (File) đựng tài liệu lưu trữ hồ sơ	Cái	1
9	Bút bi	Chiếc	10
10	Pin AA, AAA cho thiết bị	Viên	20
11	Nước uống	Bình	5
12	Vật tư, vật liệu phụ (Tính bằng 10% giá trị vật tư, vật liệu chính)	%	10%

3. Ghi chú

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật nêu trên chưa bao gồm các khoản hao phí, chi phí sau: chi phí bản quyền trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 287/2026/NĐ-CP của Chính phủ); chi phí phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn (theo quy định tại Nghị định số 261/2026/NĐ-CP của Chính phủ) và các khoản công tác phí, chi phí thuê, mua ngoài có liên quan khác. Các khoản chi phí này được tính theo qui định nêu tại điểm 4, mục II, Phụ lục 1 kèm theo Thông tư.

3.2. Sản xuất, chế tác cảnh trí, con rối, đạo cụ, trang phục biểu diễn: Việc sản xuất, chế tác cảnh trí, con rối, đạo cụ, trang phục biểu diễn được xác định theo quy mô chương trình, số lượng cảnh trí, con rối, đạo cụ, kích thước sân khấu, số lượng chất lượng trang phục... và yêu cầu mỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, thời gian sử dụng thực tế. Chi phí được xác định theo dự toán và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.